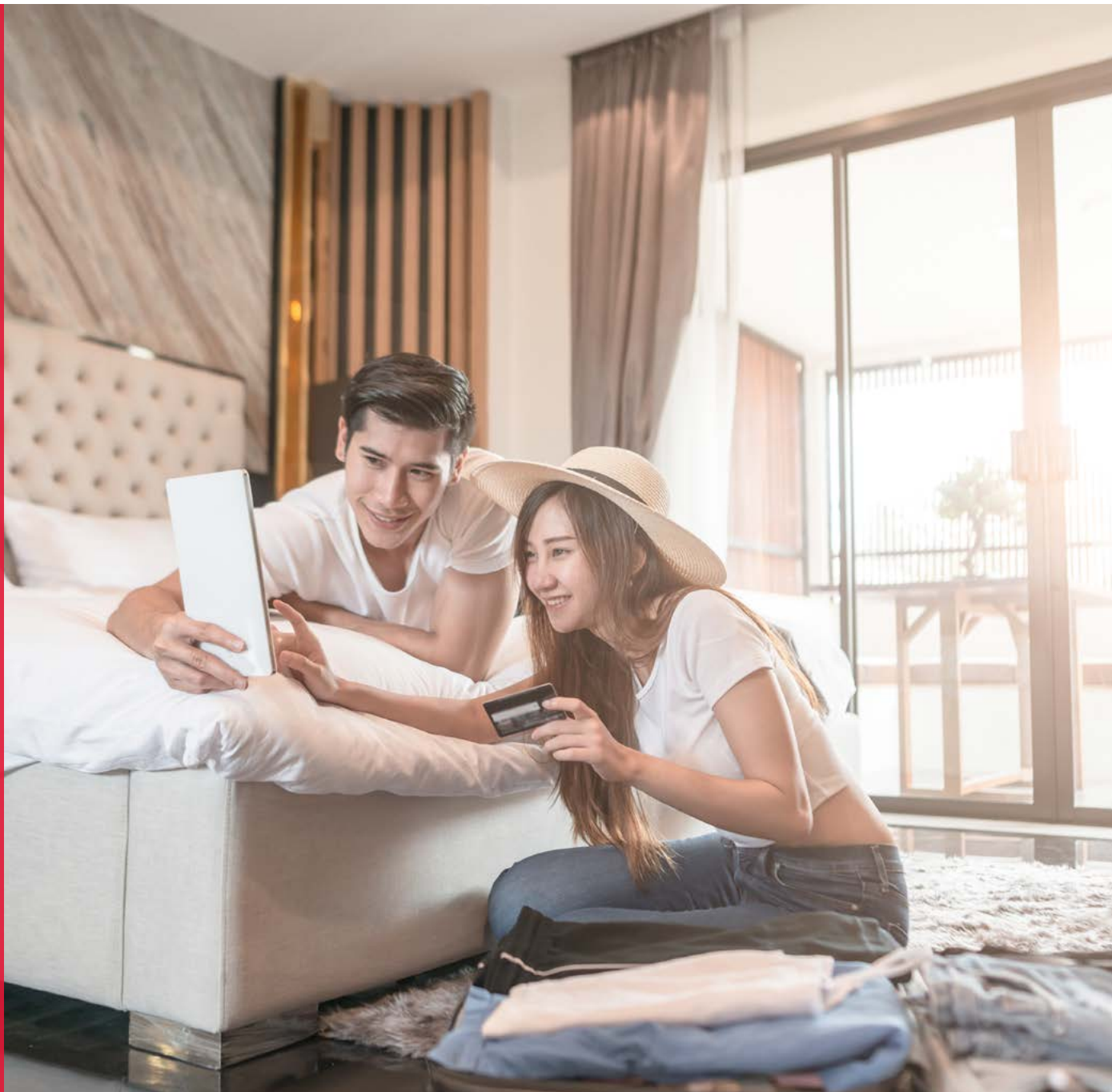


HÄFELE



www.hafele.com

HOTEL SOLUTIONS.
GIẢI PHÁP CHO KHÁCH SẠN.

HÄFELE - WHERE TRUST WAS BUILT FROM COMPETENCE.

HÄFELE - NƠI NĂNG LỰC XÂY NÊN NIỀM TIN.



Founded in Germany in 1923, Häfele is a world-renowned provider of smart home and project solutions. Häfele's superior range of products not only exemplifies German quality standards, but is developed with the philosophy of "functionality" and "easiness" in mind to offer reliable solutions for both professionals and consumers.

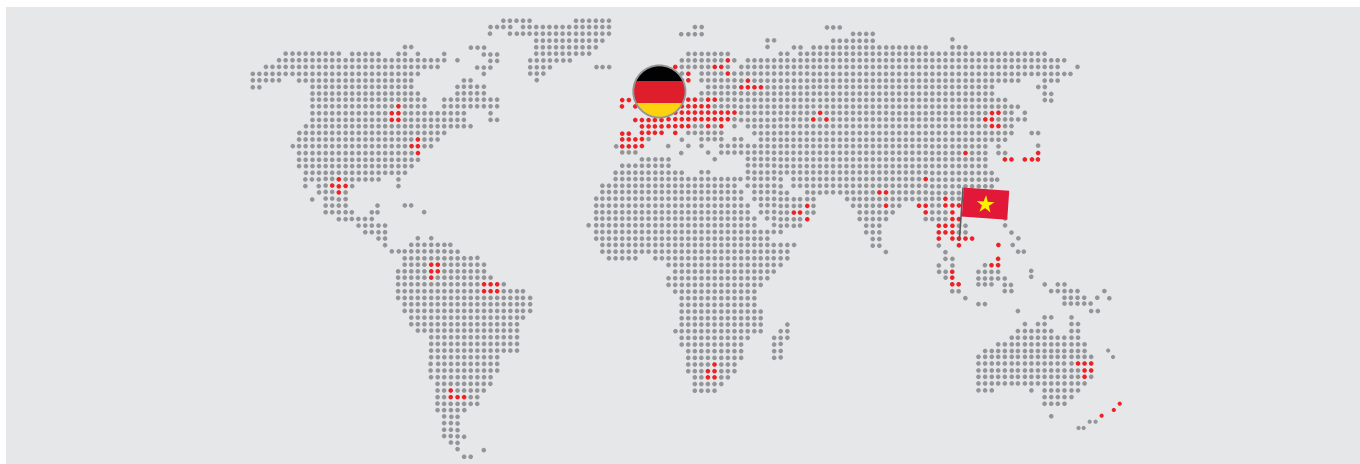
Since the establishment in Vietnam in 1998, Häfele has been continuously improving and expanding its products and services, making the key components of Vietnamese homes - door security as well as kitchen, wardrobe, and bathroom - much more efficient spaces.

With innovative solutions, an excellent delivery service, and a dedicated team, Häfele Vietnam looks to create more modern and optimal living spaces for Vietnamese in the future.

Được thành lập tại Đức vào năm 1923, Häfele là thương hiệu danh tiếng trên thế giới về giải pháp dự án và nhà ở thông minh. Không chỉ đạt tiêu chuẩn chất lượng uy tín của Đức, các dải sản phẩm cao cấp của Häfele còn được phát triển với triết lý "dễ dàng" và "công năng" để mang đến những giải pháp đáng tin cậy cho các chuyên gia lẫn người tiêu dùng.

Đến Việt Nam vào năm 1998, Häfele đã không ngừng phát triển, mở rộng sản phẩm và dịch vụ để giúp người Việt Nam cải thiện hơn nữa tính hiệu quả của những không gian quan trọng trong nhà mình, bao gồm bếp, tủ quần áo, phòng tắm và an ninh cửa.

Sở hữu các giải pháp tiên tiến, dịch vụ giao hàng xuất sắc cùng đội ngũ nhân viên tận tâm, Häfele Việt Nam kỳ vọng sẽ tạo thêm nhiều không gian sống hiện đại và tối ưu cho người Việt Nam trong tương lai.



HÄFELE PRODUCTION AND DISTRIBUTION WORLDWIDE

MẠNG LƯỚI SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI HÄFELE TOÀN CẦU



Häfele Headquarters
Nagold, Germany

Trụ sở Häfele
Nagold, Đức



Häfele Distribution Centre
Nagold, Germany

Trung tâm phân phối Häfele
Nagold, Đức



Häfele Production Plant
Budapest, Hungary

Nhà máy sản xuất Häfele
Budapest, Hungary



Häfele Production Plant
Jettingen, Germany

Nhà máy sản xuất Häfele
Jettingen, Đức



Häfele Production Plant
Kenzingen, Germany

Nhà máy sản xuất Häfele
Kenzingen, Đức



Häfele Production Plant
Berlin, Germany

Nhà máy sản xuất Häfele
Berlin, Đức



**Häfele Competence Center
for Digital Production**
Binh Duong, Vietnam

**Trung tâm Năng lực Sản xuất
Kỹ thuật số Häfele**
Binh Duong, Việt Nam

OUR ADVANTAGES ARE YOUR BENEFITS.

LỢI THẾ CỦA CHÚNG TÔI LÀ LỢI ÍCH CỦA BẠN.

With almost a century of experience and expertise knowledge, Häfele has been trusted by many famous architects, designers, contractors, and developers around the world, when it comes to smart home and project solutions. In Vietnam, Häfele has too established our name as a reliable solution provider among professionals across the sectors of architecture, furniture, and real estate.

Với kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn được tích lũy qua gần một thế kỷ, những giải pháp thông minh dành cho nhà ở và dự án của Häfele đã nhận được sự tin nhiệm của nhiều kiến trúc sư, nhà thiết kế, nhà thầu và nhà đầu tư nổi tiếng trên thế giới. Tại Việt Nam, Häfele hiện là nhà cung cấp giải pháp đáng tin cậy đối với các chuyên gia hoạt động ở khắp các lĩnh vực nội thất, kiến trúc và bất động sản.



GERMAN QUALITY. CHẤT LƯỢNG ĐỨC

Häfele's solutions are developed with German technologies and quality standards to be of the highest functionality, offering you easiness that will translate into efficiency.

Được phát triển bằng công nghệ của Đức và theo tiêu chuẩn chất lượng đức, các giải pháp của Häfele mang tính năng cao vượt trội để mang đến cho bạn sự dễ dàng và hiệu quả.



AVAILABLE FROM STOCK. CÓ HÀNG GIAO NGAY

As Häfele boasts large distribution centers around Vietnam, almost everything you need is ready for order.

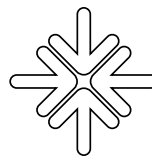
Sở hữu các trung tâm phân phối rộng khắp Việt Nam, chúng tôi luôn có sẵn gần như tất cả những gì bạn cần.



FAST DELIVERY GIAO HÀNG NHANH CHÓNG

Door-to-door service. With speed.

Dịch vụ giao hàng tận nơi, nhanh chóng.



TAILOR-MADE SOLUTIONS GIẢI PHÁP ĐƯỢC THIẾT KẾ RIÊNG

Häfele's solutions come with huge customizability to be perfectly suited for every different need.

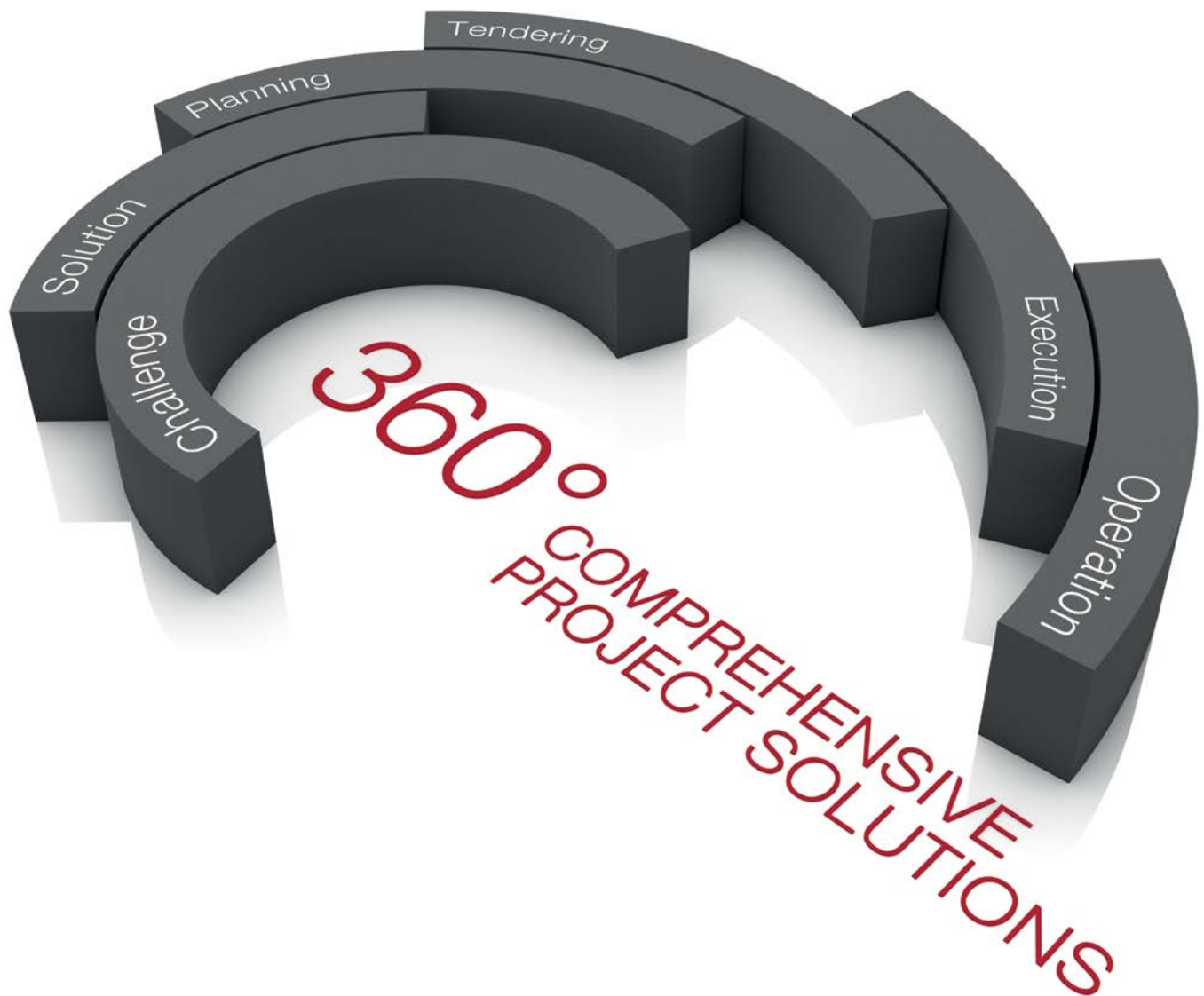
Nhờ khả năng tùy chỉnh to lớn, giải pháp của Häfele sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu khác nhau một cách đầy đủ và hiệu quả.

HÄFELE – THE RELIABLE PARTNER IN THE HOTEL.

HÄFELE - ĐỐI TÁC ĐÁNG TIN CẬY TRONG CÁC DỰ ÁN KHÁCH SẠN.

For operators, investors and planners.

Đối với nhà quản lý, nhà đầu tư và nhà hoạch định.



HOTEL MANAGEMENT SYSTEM

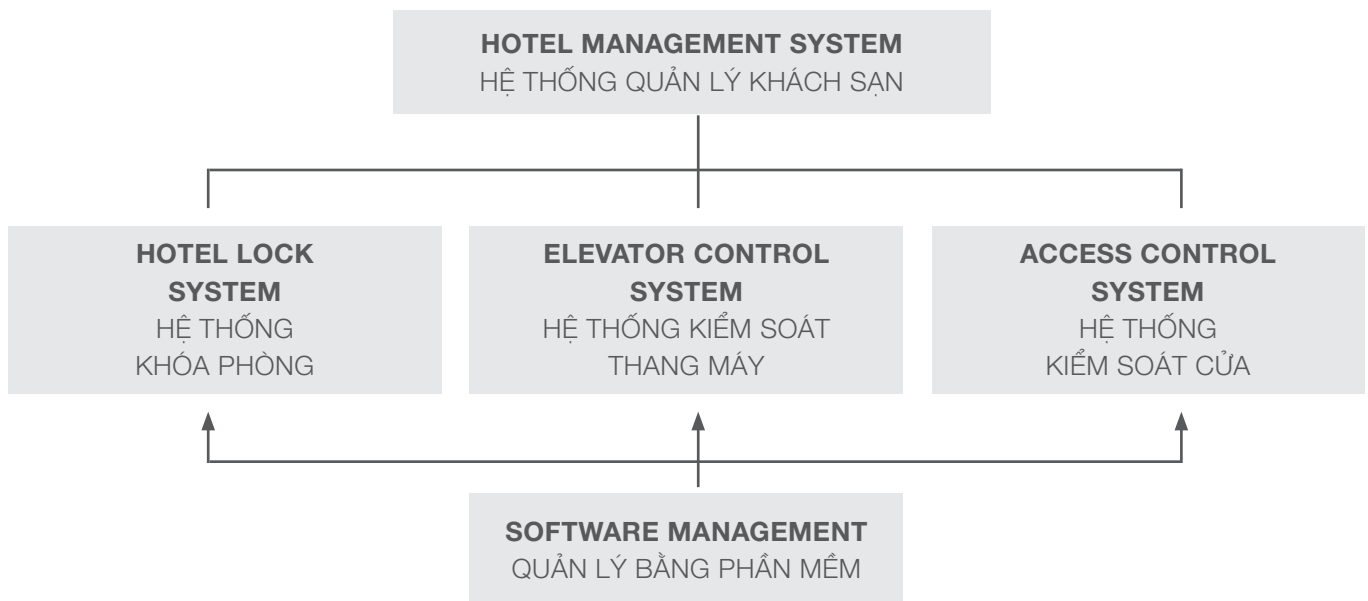
HỆ THỐNG QUẢN LÝ
KHÁCH SẠN



HOTEL MANAGEMENT SYSTEM MAP SƠ ĐỒ HỆ THỐNG QUẢN LÝ KHÁCH SẠN

> One hotel management system include 3 parts: hotel lock system, access control system and elevator control system. These 3 systems are managed by one software and customer just only use one check-in card to verify for these system.

> Hệ thống quản lý khách sạn bao gồm: hệ thống khóa phòng, hệ thống kiểm soát cửa và hệ thống kiểm soát thang máy. Tất cả các hệ thống này được quản lý bằng một phần mềm và chỉ cần dùng 1 thẻ MF để sử dụng.



HOTEL LOCK - PROLOK SERIES

DÒNG SẢN PHẨM KHÓA
KHÁCH SẠN PROLOK



PROLOK SERIES DÒNG SẢN PHẨM PROLOK

HOTEL LOCK COMPONENTS THÀNH PHẦN HỆ THỐNG KHÓA KHÁCH SẠN

STANDARD SYSTEM / HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN

Just can open the door by card. / Chỉ có thể mở cửa phòng bằng thẻ.



Hotel lock
Khóa phòng



PDA



Encoder
Bộ mã hóa



Card
Thẻ



Software
Phần mềm

BLUETOOTH SYSTEM / HỆ THỐNG KHÓA BLUETOOTH

Can open the door by phone via Bluetooth wave or card. / Có thể mở cửa bằng phone qua sóng Bluetooth hoặc thẻ.



Hotel lock (BLE version)
Khóa phòng



PDA



Encoder
Bộ mã hóa



Gateway
Bộ điều khiển Gateway



Card
Thẻ



Software
Phần mềm



PROLOK - DESIGN PROLOK NÂNG CAO

PL200 - CONCEALED READER & VARIETY OF HANDLE

PL200 - THIẾT KẾ ẨN ĐẦU ĐỌC VÀO TRONG VÀ ĐA DẠNG TAY NẮM



Features

- > Material: SUS 304 - SUS 316 (Optional)
- > Door thickness: 38-60 mm
- > Power supply: 4 pcs AA alkaline
- > Record storage: 830 records
- > Working temperature: 0°C - 70°C
- > Working humidity: 10% - 90%
- > Water and dust resistance: IP54
- > Designed with concealed reader and removed cylinder cover to create more simple and luxurious design
- > Variety of handle with many types of shape, material and finish from low to high level

Đặc tính

- > Vật liệu: SUS 304
- > Độ dày cửa: 38-60 mm
- > Nguồn điện: 4 pin kiềm AA
- > Bộ nhớ: 830 bản ghi
- > Nhiệt độ hoạt động: 0°C - 70°C
- > Độ ẩm hoạt động: 10% - 90%
- > Độ chống nước và bụi: IP54
- > Đầu đọc ẩn kết hợp với nắp che ruột khóa được loại bỏ tạo nên thiết kế đơn giản và sang trọng hơn
- > Đa dạng về tay nắm với nhiều sự lựa chọn về hình dáng, vật liệu và màu sắc khác nhau từ phân khúc thấp tới cao

VARIETY OF HANDLE ĐA DẠNG MẪU TAY NẮM

ELEGANT - SIMPLE HANDLE / TAY NẮM ĐƠN GIẢN



ES 01



ES 02



ES 03



ES 04



ES 05



ES 06



ES 07



ES 08



ES 09

HIGH-END LUXURY HANDLE / TAY NẮM CAO CẤP



HL 01



HL 02



HL 03



HL 04



HL 05



HL 06

PROLOK - STANDARD PROLOK TIÊU CHUẨN



PL100

Features

- > Material: SUS 304 - SUS 316 (Optional)
- > Door thickness: 38-60 mm
- > Power supply: 4 pcs AA alkaline
- > Record storage: 830 records
- > Operational temperature: 0°C - 70°C
- > Operational humidity: 10% - 90%
- > Water and dust resistance: IP54

Specifications

- > 3 types of available handle: L,E,D
- > 3 types of finish: inox, brush-gold, matt-black
- > Come with profile cylinder, easily make the master key customization
- > Opening direction: DINL and DINR
- > Unlocking ways: MF card (13.56MHz) and mechanical key
- > The hotel lock will alarm when low-battery or invalid card
- > Supported system: Standard and Bluetooth

Đặc tính

- > Vật liệu: SUS 304
- > Độ dày cửa: 38-60 mm
- > Nguồn điện: 4 pin kiềm AA
- > Bộ nhớ: 830 bản ghi
- > Nhiệt độ hoạt động: 0°C - 70°C
- > Độ ẩm hoạt động: 10% - 90%
- > Độ chống nước và bụi: IP54

Thông số kỹ thuật

- > 3 loại tay khóa mặc định: L,E,D
- > 3 loại màu hoàn thiện: màu inox, màu vàng, đen mờ
- > Sử dụng profile cylinder, dễ dàng làm chìa master key
- > Hướng mở: DINL và DINR
- > Cách mở khóa: Thẻ MF (13,56MHz) hoặc chìa khóa cơ
- > Khóa phòng sẽ cảnh báo khi mức pin thấp hoặc thẻ không hợp lệ
- > Hệ thống hỗ trợ: Tiêu chuẩn và Bluetooth

3 TYPES OF AVAILABLE HANDLE / 3 LOẠI TAY KHÓA MẶC ĐỊNH



L lever handle / Tay khóa loại L



E lever handle / Tay khóa loại E



D lever handle / Tay khóa loại D

3 TYPES OF FINISH / 3 LOẠI MÀU HOÀN THIỆN



Stainless Steel / Màu inox



Brush-gold / Màu vàng gold



Matt-Black / Màu đen mờ

STANDARD PROLOK PROLOK TIÊU CHUẨN

PL100

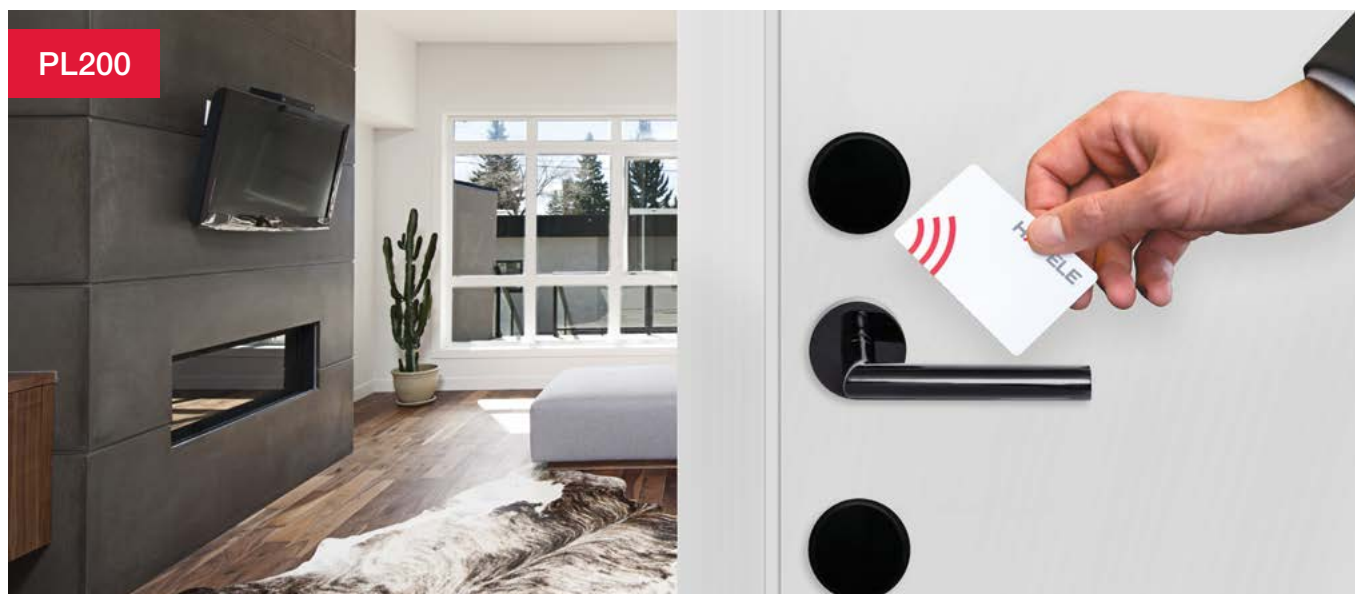
STANDARD SYSTEM / HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN

Type Loại	Finish Màu hoàn thiện	Art.No. Mã số	Handle Tay khóa	DIN	Retail price include VAT Giá bán lẻ (bao gồm VAT)
PL100	 Stainless Steel Inox	912.20.019	L lever handle,	DINL	3.668.000
		912.20.020	Tay khóa loại L	DINR	3.668.000
		912.20.023	E lever handle	DINL	3.668.000
		912.20.024	Tay khóa loại E	DINR	3.668.000
		912.20.106	D lever handle	DINL	3.668.000
		912.20.107	Tay khóa loại D	DINR	3.668.000
	 Brush-gold Vàng gold	912.20.039	L lever handle,	DINL	3.868.000
		912.20.040	Tay khóa loại L	DINR	3.868.000
		912.20.043	E lever handle	DINL	3.868.000
		912.20.044	Tay khóa loại E	DINR	3.868.000
		912.20.108	D lever handle	DINL	3.868.000
		912.20.109	Tay khóa loại D	DINR	3.868.000
	 Matt-black Đen mờ	912.20.045	L lever handle,	DINL	4.168.000
		912.20.046	Tay khóa loại L	DINR	4.168.000
		912.20.049	E lever handle	DINL	4.168.000
		912.20.050	Tay khóa loại E	DINR	4.168.000
		912.20.110	D lever handle	DINL	4.168.000
		912.20.111	Tay khóa loại D	DINR	4.168.000

BLUETOOTH SYSTEM / HỆ THỐNG KHÓA BLUETOOTH

Type Loại	Finish Màu hoàn thiện	Art.No. Mã số	Handle Tay khóa	DIN	Retail price include VAT Giá bán lẻ (bao gồm VAT)
PL100	 Stainless Steel Inox	912.20.069	L lever handle	DINL	5.368.000
		912.20.070	Tay khóa loại L	DINR	5.368.000
		912.20.073	E lever handle	DINL	5.368.000
		912.20.074	Tay khóa loại E	DINR	5.368.000

PROLOK - STANDARD PROLOK TIÊU CHUẨN



Features

- > Material: SUS 304 - SUS 316 (Optional)
- > Door thickness: 38-60 mm
- > Power supply: 4 pcs AA alkaline
- > Record storage: 830 records
- > Operational temperature: 0°C - 70°C
- > Operational humidity: 10% - 90%
- > Water and dust resistance: IP54

Specifications

- > 3 types of available handle: L, E, D
- > 3 types of finish: inox, brush-gold, matt-black
- > Come with profile cylinder, easily make the master key customization
- > Opening direction: DINL and DINR
- > Unlocking ways: MF card (13.56MHz) and mechanical key
- > The hotel lock will alarm when low-battery or invalid card
- > Supported system: Standard and Bluetooth

Đặc tính

- > Vật liệu: SUS 304
- > Độ dày cửa: 38-60 mm
- > Nguồn điện: 4 pin kiềm AA
- > Bộ nhớ: 830 bản ghi
- > Nhiệt độ hoạt động: 0°C - 70°C
- > Độ ẩm hoạt động: 10% - 90%
- > Độ chống nước và bụi: IP54

Thông số kỹ thuật

- > 3 loại tay khóa mặc định: L, E, D
- > 3 loại màu hoàn thiện: màu inox, màu vàng, đen mờ
- > Sử dụng profile cylinder, dễ dàng làm chìa master key
- > Hướng mở: DINL và DINR
- > Cách mở khóa: Thẻ MF (13,56MHz) hoặc chìa khóa cơ
- > Khóa phòng sẽ cảnh báo khi mức pin thấp hoặc thẻ không hợp lệ
- > Hệ thống hỗ trợ: Tiêu chuẩn và Bluetooth

3 TYPES OF AVAILABLE HANDLE / 3 LOẠI TAY KHÓA MẶC ĐỊNH



L lever handle / Tay khóa loại L

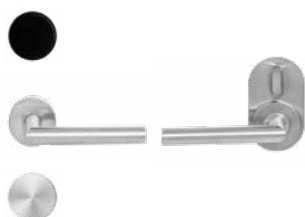


E lever handle / Tay khóa loại E



D lever handle / Tay khóa loại D

3 TYPES OF FINISH / 3 LOẠI MÀU HOÀN THIỆN



Stainless Steel / Màu inox



Brush-gold / Màu vàng gold



Matt-Black / Màu đen mờ

STANDARD PROLOK PROLOK TIÊU CHUẨN

PL200

STANDARD SYSTEM / HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN

Type Loại	Finish Màu hoàn thiện	Art.No. Mã số	Handle Tay khóa	DIN	Retail price include VAT Giá bán lẻ (bao gồm VAT)
PL200	 Stainless Steel Inox	912.20.051	L lever handle,	DINL	3.768.000
		912.20.052	Tay khóa loại L	DINR	3.768.000
		912.20.055	E lever handle	DINL	3.768.000
		912.20.056	Tay khóa loại E	DINR	3.768.000
		912.20.100	D lever handle	DINL	3.768.000
		912.20.101	Tay khóa loại D	DINR	3.768.000
	 Brush-gold Vàng gold	912.20.057	L lever handle,	DINL	3.968.000
		912.20.058	Tay khóa loại L	DINR	3.968.000
		912.20.061	E lever handle	DINL	3.968.000
		912.20.062	Tay khóa loại E	DINR	3.968.000
		912.20.102	D lever handle	DINL	3.968.000
		912.20.103	Tay khóa loại D	DINR	3.968.000
	 Matt-black Đen mờ	912.20.063	L lever handle,	DINL	4.268.000
		912.20.064	Tay khóa loại L	DINR	4.268.000
		912.20.067	E lever handle	DINL	4.268.000
		912.20.068	Tay khóa loại E	DINR	4.268.000
		912.20.104	D lever handle	DINL	4.268.000
		912.20.105	Tay khóa loại D	DINR	4.268.000

BLUETOOTH SYSTEM / HỆ THỐNG KHÓA BLUETOOTH

Type Loại	Finish Màu hoàn thiện	Art.No. Mã số	Handle Tay khóa	DIN	Retail price include VAT Giá bán lẻ (bao gồm VAT)
PL200	 Stainless Steel Inox	912.20.033	L lever handle	DINL	5.468.000
		912.20.034	Tay khóa loại L	DINR	5.468.000
		912.20.037	E lever handle	DINL	5.468.000
		912.20.038	Tay khóa loại E	DINR	5.468.000

PROLOK - STANDARD PROLOK TIÊU CHUẨN

PL250



Features

- > Material: SUS 304 - SUS 316 (Optional)
- > Door thickness: 38-60 mm
- > Power supply: 4 pcs AA alkaline
- > Record storage: 830 records
- > Working temperature: 0°C - 70°C
- > Working humidity: 10% - 90%
- > Water and dust resistance: IP54

Specifications

- > 3 types of available handle: L,E,D
- > 3 types of finish: inox, brush-gold, matt-black
- > Come with profile cylinder, easily make the master key customization
- > Opening direction: DINL and DINR
- > Unlocking ways: MF card (13.56MHz) and mechanical key
- > The hotel lock will alarm when low-battery or invalid card
- > Supported system: Standard and Bluetooth

Đặc tính

- > Vật liệu: SUS 304
- > Độ dày cửa: 38-60 mm
- > Nguồn điện: 4 pin kiềm AA
- > Bộ nhớ: 830 bản ghi
- > Nhiệt độ hoạt động: 0°C - 70°C
- > Độ ẩm hoạt động: 10% - 90%
- > Độ chống nước và bụi: IP54

Thông số kỹ thuật

- > 3 loại tay khóa mặc định: L,E,D
- > 3 loại màu hoàn thiện: màu inox, màu vàng, đen mờ
- > Sử dụng profile cylinder, dễ dàng làm chìa master key
- > Hướng mở: DINL và DINR
- > Cách mở khóa: Thẻ MF (13,56MHz) hoặc chìa khóa cơ
- > Khóa phòng sẽ cảnh báo khi mức pin thấp hoặc thẻ không hợp lệ
- > Hệ thống hỗ trợ: Tiêu chuẩn và Bluetooth

3 TYPES OF AVAILABLE HANDLE / 3 LOẠI TAY KHÓA MẶC ĐỊNH



L lever handle / Tay khóa loại L



E lever handle / Tay khóa loại E



D lever handle / Tay khóa loại D

FINISH / MÀU HOÀN THIỆN



Stainless Steel / Màu inox

STANDARD PROLOK PROLOK TIÊU CHUẨN

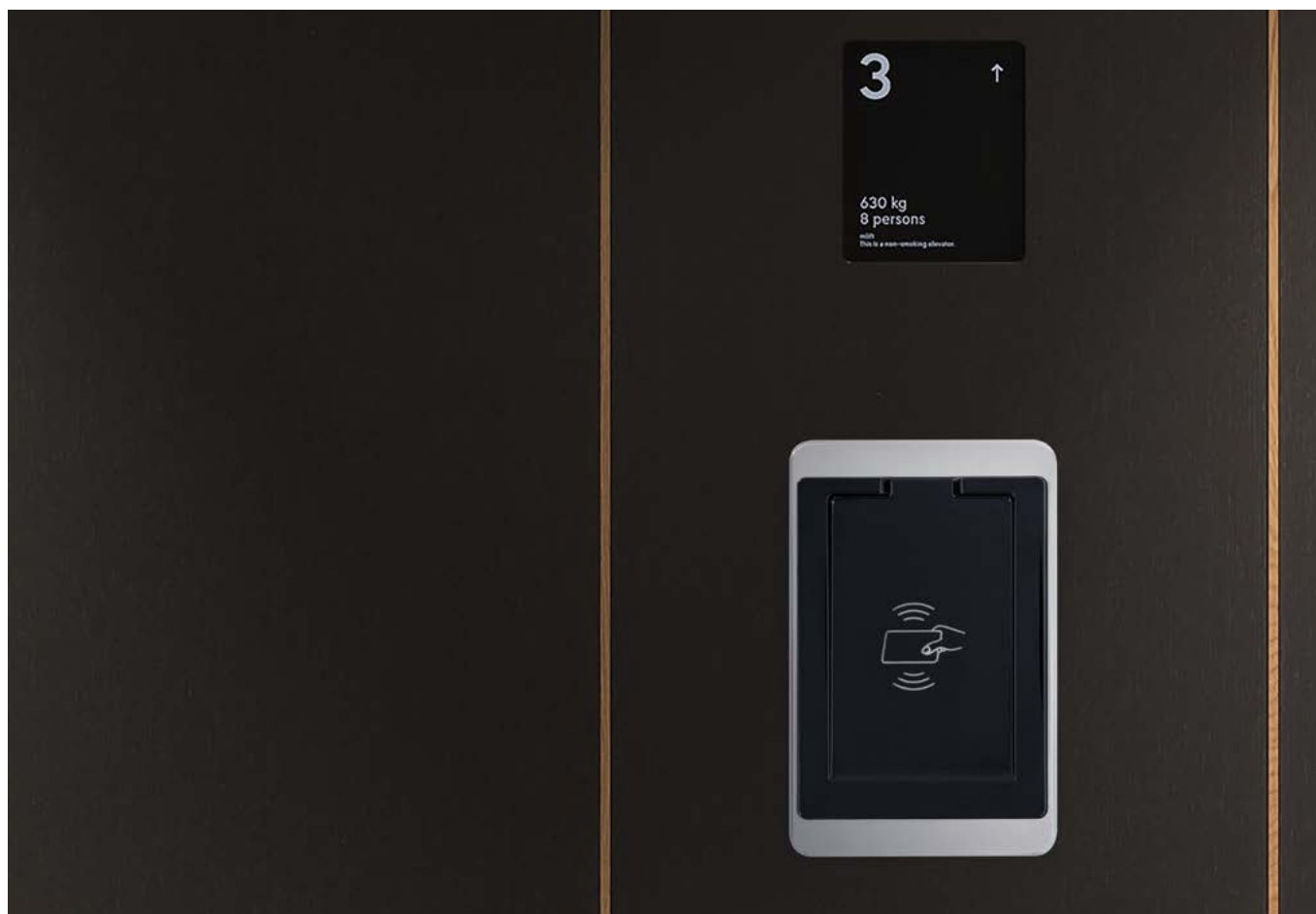
PL250

STANDARD SYSTEM / HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN 

Type Loại	Finish Màu hoàn thiện	Art.No. Mã số	Handle Tay khóa	DIN	Retail price include VAT Giá bán lẻ (bao gồm VAT)
PL250	 Stainless Steel Inox	912.20.112	L lever handle,	DINL	4.168.000
		912.20.113	Tay khóa loại L	DINR	4.168.000
		912.20.114	E lever handle	DINL	4.168.000
		912.20.115	Tay khóa loại E	DINR	4.168.000
		912.20.116	D lever handle	DINL	4.268.000
		912.20.117	Tay khóa loại D	DINR	4.268.000



ACCESSORIES PHỤ KIỆN



MIFARE CARD ENCODER THIẾT BỊ MÃ HÓA THẺ MIFARE



Features

- > Indicator light: yes
- > Material: metal compact
- > Dimension: 130 x 76 x 25 mm
- > Connection interface: USB port
- > Power: use the power of PC via USB port
- > Working temperature: 0°C - 50°C
- > Working humidity: 10% - 70%
- > Write the information for MF card to set up the function card for staff and check-in card for guest
- > Read the MF card to check the information inside it

Đặc tính

- > Đèn báo: có
- > Vật liệu: kim loại
- > Kích thước: 130 x 76 x 25 mm
- > Giao diện kết nối: Cổng USB
- > Nguồn điện: sử dụng nguồn của PC qua cổng USB
- > Nhiệt độ hoạt động: 0°C - 50°C
- > Độ ẩm hoạt động: 10% - 70%
- > Ghi thông tin cho thẻ MF để thiết lập thẻ chức năng cho nhân viên và thẻ nhận phòng cho khách
- > Đọc thẻ MF để kiểm tra thông tin trong thẻ

Art.No.

Mã số

912.20.006

Retail price include VAT

Giá bán lẻ (bao gồm VAT)

5.468.000

ACCESSORIES PHỤ KIỆN

PDA (PORTABLE DATA ASSISTANT) THIẾT BỊ ĐỒNG BỘ DỮ LIỆU CẦM TAY



Features

- > Connection interface: USB port
- > Dimension: 140 x 80 x 30 mm
- > Display size: 80 x 65 mm - touch screen
- > Power: 4 AAA batteries
- > Record storage: 1660 records
- > Working temperature: 0°C - 50°C
- > Working humidity: 10% - 70%
- > Transfer data from software to hardware such as: hotel lock, elevator controller and access controller.
- > Get the unlocking log from hardware to software and the information of hardware

Đặc tính

- > Giao diện kết nối: Cổng USB
- > Kích thước: 140 x 80 x 30 mm
- > Kích thước màn hình: 80 x 65 mm - màn hình cảm ứng
- > Nguồn điện: 4 pin AAA
- > Bộ nhớ: 1660 bản ghi
- > Nhiệt độ hoạt động: 0°C - 50°C
- > Độ ẩm hoạt động: 10%-70%
- > Truyền dữ liệu từ phần mềm sang phần cứng như: hệ thống khóa phòng, hệ thống kiểm soát thang máy và hệ thống kiểm soát cửa.
- > Lấy bản ghi mở khóa từ phần cứng sang phần mềm và thông tin phần cứng

Art.No.

Mã số

Retail price include VAT

Giá bán lẻ (bao gồm VAT)

912.20.007

13.168.000

GATEWAY FOR BLUETOOTH SYSTEM GATEWAY CHO HỆ THỐNG BLUETOOTH



Features

- > Power supplier: DC 5V
- > Radius operation: <20m
- > Material: plastic
- > Working temperature: 0°C - 50°C
- > Working humidity: 10%-70%
- > Transfer the signal from the APP on smart phone to the lock for opening the door

Đặc tính

- > Nguồn điện: DC 5V
- > Bán kính điều khiển: <20m
- > Vật liệu: nhựa
- > Nhiệt độ hoạt động: 0°C - 50°C
- > Độ ẩm hoạt động: 10%-70%
- > Truyền tín hiệu từ ỨNG DỤNG trên điện thoại thông minh sang khóa để mở cửa

Art.No.

Mã số

Retail price include VAT

Giá bán lẻ (bao gồm VAT)

912.20.008

4.168.000

ACCESS & ELEVATOR CONTROL SYSTEM

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT
CỬA VÀ THANG MÁY



ACCESS CONTROL SYSTEM HỆ THỐNG KIỂM SOÁT CỬA

ACCESS CONTROL COMPONENTS THÀNH PHẦN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT CỬA



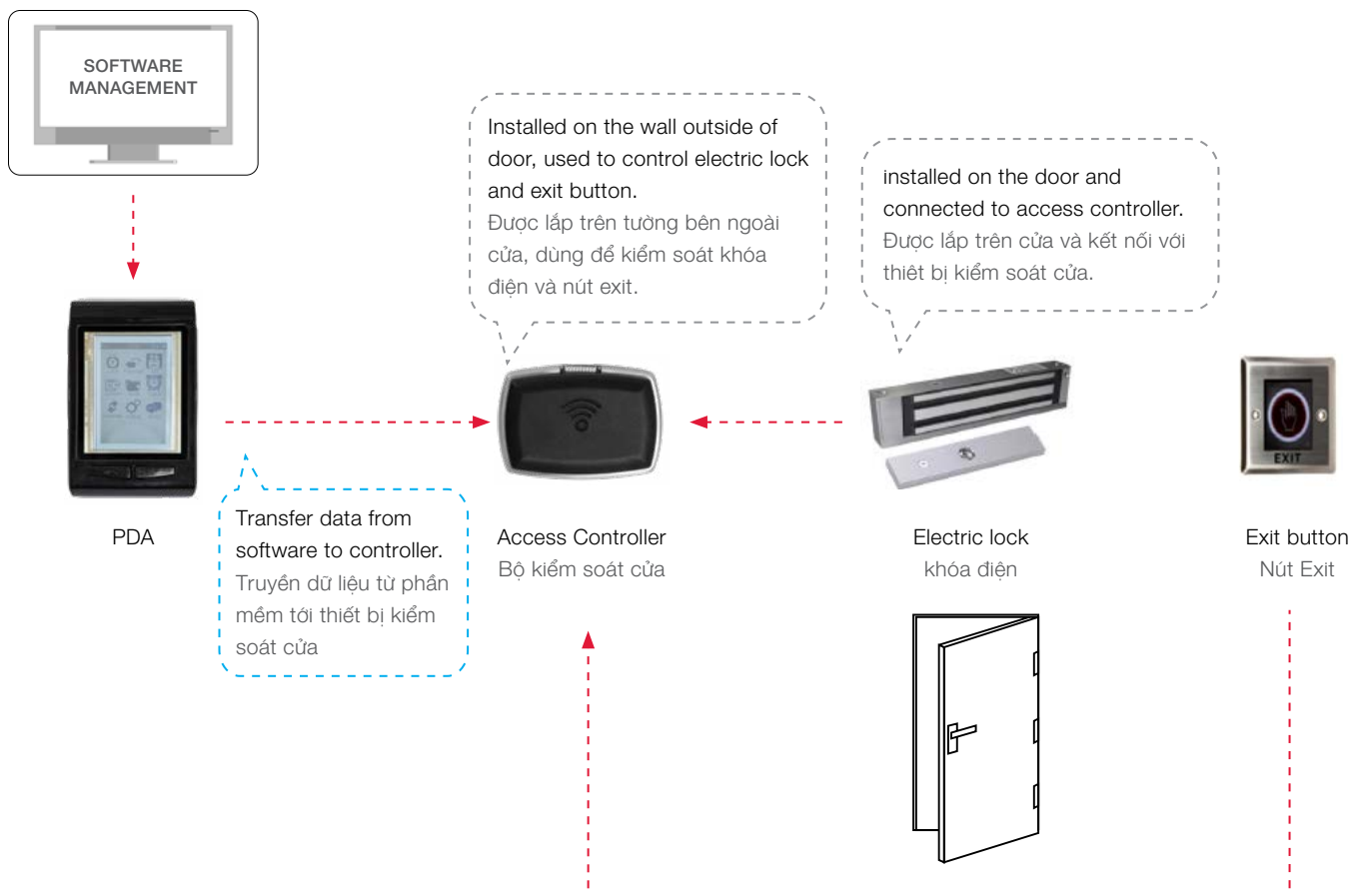
Functions

- > Manage and grant guest/ admin access:
 - By door: door to spa/ gym/ swimming area
 - By time range within the day
 - By day of week (weekends/workday)

Chức năng

- > Quản lý và cấp quyền truy cập cho khách/quản trị:
 - Theo cửa: cửa khu vực chăm sóc sức khỏe/tập thể dục/bơi
 - Theo khoảng thời gian trong ngày
 - Theo ngày trong tuần (cuối tuần/ngày làm việc)

CONNECTION DIAGRAM SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI



ACCESS CONTROL SYSTEM HỆ THỐNG KIỂM SOÁT CỬA



DOOR ACCESS CONTROLLER THIẾT BỊ KIỂM SOÁT CỬA



Features

- > Door control: 1 door
- > Types of card: MF - 13.56MHz
- > Power: DC12V - 400mA - 50W
- > Temperature: 0°C - 70°C
- > Humidity: 10 - 90%
- > The access control system will be automatically turned-off in case of emergency

Thông số kỹ thuật

- > Kiểm soát cửa: 1 cửa
- > Loại thẻ: MF - 13,56MHz
- > Nguồn điện: DC12V - 400mA - 50W
- > Nhiệt độ hoạt động: 0°C - 70°C
- > Độ ẩm hoạt động: 10 - 90%
- > Hệ thống kiểm soát cửa sẽ tự động tắt trong trường hợp khẩn cấp

Art.No.
Mã số

912.20.012

Retail price include VAT
Giá bán lẻ (bao gồm VAT)

6.368.000

ACCESS CONTROL SYSTEM / HỆ THỐNG KIỂM SOÁT CỬA

ELECTRIC LOCK / KHÓA ĐIỆN



Features

- > Voltage: DC 12V - 24V
- > Holding force: 280kg (600Lbs)
- > Lock size: 250L x 48W x 25H (mm)
- > Armature plate: 180L x 38W x 11H (mm)
- > Current draw: 12V/500mA - 24V/250mA
- > LED indication: red (unlocked) green (locked)
- > Weight: 2kg

Thông số kỹ thuật

- > Nguồn: DC 12V - 24V
- > Lực giữ cửa: 280kg (600Lbs)
- > Kích thước khóa: 250 x 48 x 25 (mm)
- > Kích thước thanh hít: 180 x 38 x 11 (mm)
- > Dòng điện: 12V/500mA - 24V/250mA
- > Đèn chỉ dẫn: đỏ (cửa mở) - green (cửa đóng)
- > Trọng lượng: 2kg

Art.No.

Mã số

912.05.104

Retail price include VAT

Giá bán lẻ (bao gồm VAT)

1.868.000

EXIT BUTTON / NÚT EXIT



Features

- > Function: touchless
- > Port: NO, NC, COM
- > Material: ABS+PC with texture
- > Dimension: 86 x 86 (mm)
- > Weight: 120g

Thông số kỹ thuật

- > Chức năng: không chạm
- > Các chân kết nối: NO, NC và COM
- > Vật liệu: ABS
- > Kích thước: 86 x 86 (mm)
- > Trọng lượng: 120g

Art.No.

Mã số

917.82.331

Retail price include VAT

Giá bán lẻ (bao gồm VAT)

768.000

ELEVATOR CONTROL SYSTEM HỆ THỐNG KIỂM SOÁT THANG MÁY

ELEVATOR CONTROL COMPONENTS THÀNH PHẦN HỆ THỐNG KIỂM SOÁT THANG MÁY



Elevator Controller
Bộ kiểm soát thang máy



Reader
Đầu đọc



Encoder
Bộ mã hóa



PDA



Card
Thẻ



Software
Phần mềm

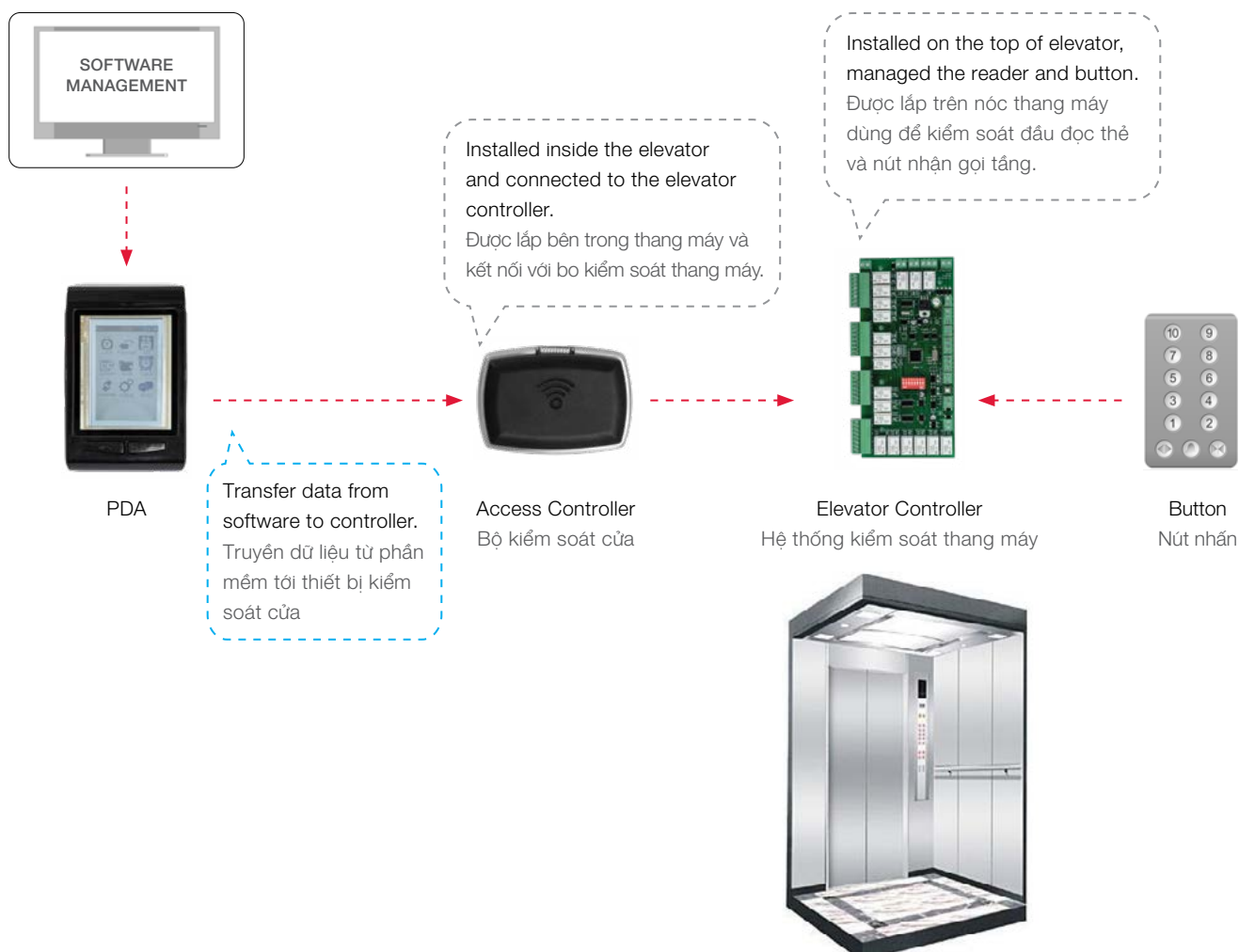
Functions

- > Manage and grant specific guest/ admin access:
 - By floor: private and public floor
 - By time range within the day
 - By day of week (weekends/workday)

Chức năng

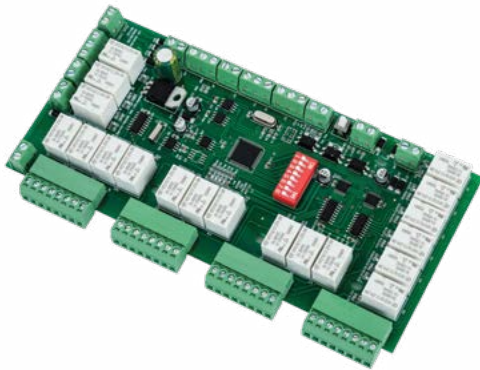
- > Quản lý và cấp quyền truy cập cụ thể cho khách/quản trị:
 - Theo tầng: tầng riêng và chung
 - Theo khoảng thời gian trong ngày
 - Theo ngày trong tuần (cuối tuần/ngày làm việc)

CONNECTION DIAGRAM SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI



ELEVATOR CONTROL SYSTEM HỆ THỐNG KIỂM SOÁT THANG MÁY

ELEVATOR CONTROLLER / BỘ KIỂM SOÁT THANG MÁY



Features

- > Floor control: 16 floors
- > Types of reader: RS485 reader
- > Types of card: MF - 13.56MHz
- > Lithium battery keeps memory and time setting for 5 years
- > The data can be kept within 90 days when power is off
- > Power: DC12V - 400mA - 50W
- > Temperature: 0°C - 70°C
- > Humidity: 10 - 90%
- > The elevator control system will be automatically turned-off in case of emergency.

Đặc tính

- > Kiểm soát tầng: 16 tầng
- > Loại reader: RS485 reader
- > Loại thẻ: MF - 13,56MHz
- > Pin lithium lưu bộ nhớ và cài đặt thời gian trong 5 năm
- > Dữ liệu có thể lưu trong 90 ngày khi ngắt nguồn điện
- > Nguồn điện: DC12V - 400mA - 50W
- > Nhiệt độ hoạt động: 0°C - 70°C
- > Độ ẩm hoạt động: 10 - 90%
- > Hệ thống kiểm soát thang máy sẽ tự động tắt trong trường hợp khẩn cấp.

Art.No.

Mã số

912.20.032

Retail price include VAT

Giá bán lẻ (bao gồm VAT)

24.168.000

MIFARE CARD READER / ĐẦU ĐỌC THẺ MIFARE



Features

- > Types of card: Mifare - 13.56MHz
- > Power: DC12V - 400mA - 50W
- > Temperature: 0°C - 70°C
- > Humidity: 10-90%

Đặc tính

- > Loại thẻ: Mifare - 13,56MHz
- > Nguồn điện: DC12V - 400mA - 50W
- > Nhiệt độ hoạt động: 0°C - 70°C
- > Độ ẩm hoạt động: 10-90%

Art.No.

Mã số

912.20.025

Retail price include VAT

Giá bán lẻ (bao gồm VAT)

6.368.000

ELEVATOR CONTROL SYSTEM HỆ THỐNG KIỂM SOÁT THANG MÁY

EXTENSION BOARD / BOARD MỞ RỘNG



Features

- > Floor control: 16 floors
- > Connect with elevator controller: maximum 7 boards
- > Lithium battery keeps memory and time setting for 5 years
- > The data can be kept within 90 days when power is off
- > Power: DC12V - 400mA - 50W
- > Temperature: 0°C - 70°C
- > Humidity: 10 - 90%

Đặc tính

- > Kiểm soát tầng: 16 tầng
- > Kết nối với bộ kiểm soát thang máy: tối đa 7 board
- > Pin lithium lưu bộ nhớ và cài đặt thời gian trong 5 năm
- > Dữ liệu có thể lưu trong 90 ngày khi ngắt nguồn điện
- > Nguồn điện: DC12V - 400mA - 50W
- > Nhiệt độ: 0°C - 70°C
- > Độ ẩm: 10 - 90%

Art.No.

Mã số

912.20.087

Retail price include VAT

Giá bán lẻ (bao gồm VAT)

19.468.000

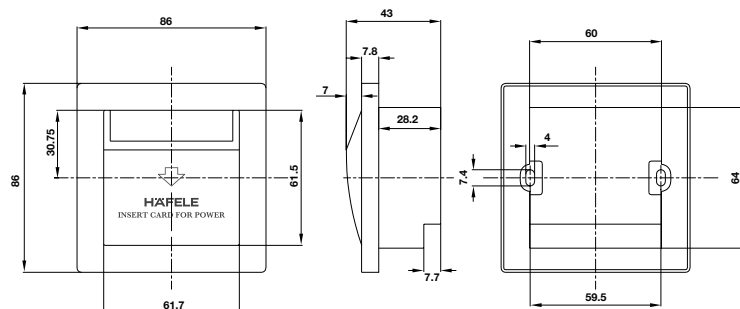
ENERGY SAVING SWITCH HỘP TIẾT KIỆM ĐIỆN



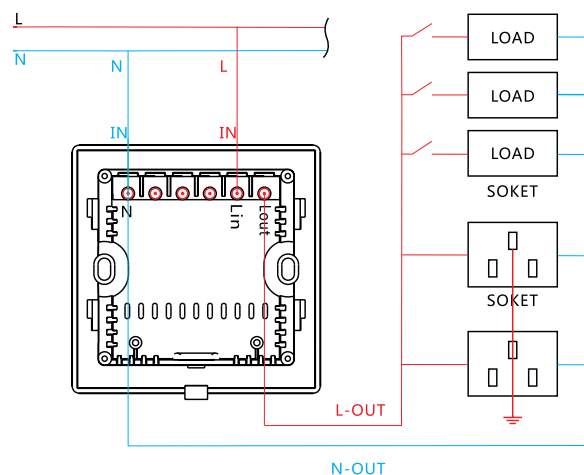
White / Trắng



Silver-grey/ Xám bạc



Color Màu sắc	Art.No. Mã số	Retail price include VAT Giá bán lẻ (bao gồm VAT)
Silver-grey / Xám bạc	917.56.935	768.000
White / Trắng	917.56.937	668.000



Connection diagram / Sơ đồ đấu nối

ACCESSORIES PHỤ KIỆN

MIFARE CARD / THẺ MIFARE



Blank card



Printed card

- > Frequency: 13.56 MHz
- > Dimension: 54x85 cm
- > Unlock the hotel lock

- > Tần số hoạt động: 13.56 MHz
- > Kích thước: 54x85 cm
- > Dùng để mở khóa phòng

Type Loại	Art.No. Mã số	Retail price include VAT Giá bán lẻ (bao gồm VAT)
Blank card	917.80.737	68.000
Printed card	917.80.736	110.000

WRISTBAND / VÒNG ĐEO TAY



Features

- > Suitable for the hotel/resort/villa which is near the coastal area, instead of using the Mifare card to open the door, we can use the wristband
- > With waterproof function, can wear it to go swimming, spa, gym...
- > Variety of color and can be fitted for almost ages

Đặc tính

- > Phù hợp với khách sạn / resort / villa gần ven biển, thay vì dùng thẻ Mifare để mở cửa, chúng ta có thể sử dụng dây đeo tay
- > Với chức năng chống thấm nước, có thể đeo đi bơi, đi spa, tập gym ...
- > Màu sắc đa dạng và có thể phù hợp với hầu hết mọi lứa tuổi

Color Màu sắc	Art.No. Mã số	Retail price include VAT Giá bán lẻ (bao gồm VAT)
Yellow / Màu vàng	912.20.902	
Black / Màu đen	912.20.903	168.000 *
Blue / Màu xanh	912.20.904	

Note/ Ghi chú:

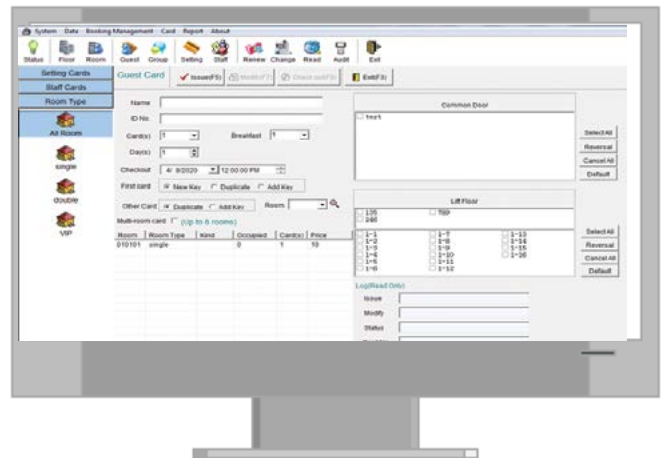
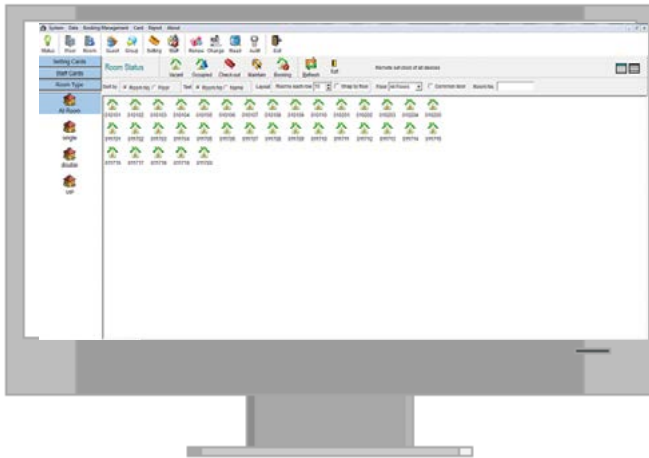
Price is included the customization fee for logo.
Giá đã gồm chi phí in logo theo yêu cầu.

SOFTWARE

PHẦN MỀM
QUẢN LÝ KHÓA



SOFTWARE PHẦN MỀM



- > All-in-one software, hotel lock system, elevator control system and access control system
- > Manage unlimited rooms, elevator, door control device
- > Set up access rights for guest by the time zone & duration of stay
- > Family function: one check-in card can open for 8 rooms)
- > Compatible with standard MF card 13.56Mhz
- > Easily integrated with PMS system
- > User-friendly software UI

- > Tất cả hệ thống trong cùng 1 phần mềm, hệ thống khóa phòng, hệ thống kiểm soát thang máy và hệ thống kiểm soát cửa
- > Quản lý không giới hạn số lượng phòng, thang máy, thiết bị kiểm soát cửa
- > Cài đặt quyền truy cập cho khách theo thời gian lưu trú, ngày trong tuần
- > Chức năng gia đình: một thẻ check-in có thể mở được 8 phòng
- > Tương thích với thẻ MF tiêu chuẩn 13,56Mhz
- > Dễ dàng tích hợp với hệ thống PMS
- > Giao diện phần mềm thân thiện người dùng



BEDROOM SOLUTIONS

GIẢI PHÁP
PHÒNG NGỦ





KETTLE AND TRAY

Bộ bình đun nước và khay.

Kettle 0.8L with tray

Bộ bình đun nước siêu tốc 0.8L và khay



- > Capacity: 0.8L
- > 304 stainless steel material
- > Double-layered body
- > Automatic switch-off
- > Matt finish
- > Voltage: 220-240V / 50-60Hz
- > Power rating: 1000 - 1200W

- > Dung tích: 0.8 lít
- > Chất liệu thép không gỉ 304
- > Thiết kế vỏ 2 lớp an toàn
- > Tự động ngắt khi sôi hoặc khi cạn nước
- > Bề mặt đen nhám sang trọng
- > Hiệu điện thế: 220 - 240 V / 50 - 60 Hz
- > Công suất: 1000 - 1200W

Dimension (WxDxH)	Art. No.	Price (VND)
Kích thước (RxSxC)	Mã số	Giá (Đ)
Kettle/ Bình đun: 17.6 x 12 x 21.2 cm	535.43.543	1.990.000
Tray/ Khay: 26.7 x 19 x 8 cm		

- > Capacity: 1.2L
- > 304 stainless steel material
- > Automatic switch-off
- > Voltage: 220-240V / 50-60Hz
- > Power rating: 1000 - 1200W

- > Dung tích: 1.2 lít
- > Chất liệu thép không gỉ 304
- > Tự động ngắt khi sôi hoặc khi cạn nước
- > Hiệu điện thế: 220-240V / 50-60Hz
- > Công suất: 1000 - 1200W

Dimension (WxDxH)	Art. No.	Price (VND)
Kích thước (RxSxC)	Mã số	Giá (Đ)
Kettle/ Bình đun: 20.7 x 16.2 x 15.5 cm	535.43.544	1.890.000
Tray/ Khay: 42 x 30 x 3 cm		

Kettle 1.2L with tray

Bộ bình đun nước siêu tốc 1.2L và khay



KETTLE AND TRAY

Bộ bình đun nước và khay.

Kettle 0.6L with tray

Bộ bình đun nước siêu tốc 0.6L và khay



- > Capacity: 0.6L
- > 304 stainless steel material
- > Automatic switch-off
- > Matt finish
- > Voltage: 220-240V / 50-60Hz
- > Power rating: 1000 - 1200W

- > Dung tích: 0.6 lít
- > Chất liệu thép không gỉ 304
- > Tự động ngắt khi sôi hoặc khi cạn nước
- > Bề mặt nhám sang trọng
- > Hiệu điện thế: 220-240V / 50-60Hz
- > Công suất: 1000 - 1200W

Dimension (WxDxH)	Art. No.	Price (VND)
Kích thước (RxsxC)	Mã số	Giá (Đ)
Kettle/ Bình đun: 17 x 12.2 x 17.5 cm	535.43.545	1.690.000
Tray/ Khay: 40.5 x 26.8 x 3.8 cm		

ESPRESSO MACHINE

Máy pha cà phê dạng viên

Espresso machine

Máy pha cà phê



- > Button control with LED
- > 0.67 liter removable water tank
- > Water lack warning function
- > Drip tray box can be removed to fit different mug heights
- > Self-cleaning function; automatically switch off after 10 minutes of no use
- > Removable spout for easy cleaning
- > Tray capacity: 10 capsules
- > Power rating: 1145 W
- > Voltage: 220-240V, 50 Hz
- > Appliance dimensions: 114W x 244H x 320D mm

- > Nút điều khiển có đèn LED
- > Khay chứa nước 0,67 lít, có thể tháo rời
- > Chức năng thông báo thiếu nước
- > Khay hứng có thể tháo rời để phù hợp độ cao của nhiều cốc
- > Chức năng tự vệ sinh, tự động tắt sau 10 phút không hoạt động
- > Vòi có thể tháo rời để dễ dàng vệ sinh
- > Khay chứa: 10 viên
- > Công suất: 1145 W
- > Hiệu điện thế: 220-240V, 50Hz
- > Kích thước sản phẩm: 114R x 244C x 320S mm

Art. No.	Price (VND)
Mã số	Giá (Đ)
535.43.018	2.990.000

MINI BAR



Tủ lạnh mini.

Minibar glass door HC-M48G
Tủ lạnh mini cửa kính HC-M48G



- > Free-standing
- > Gross capacity: 46L
- > Glass door
- > Compressor based cooling system
- > Voltage: 220 - 240V
- > Frequency: 50-60 Hz
- > Power: 60W
- > Appliance dimensions: 450W x 440D x 515H mm

- > Lắp độc lập
- > Tổng dung tích: 46 lít
- > Cửa kính
- > Làm lạnh bằng máy nén
- > Hiệu điện thế: 220 - 240 V
- > Tần số: 50 - 60 Hz
- > Công suất: 60W
- > Kích thước: 450R x 440S x 515C mm

Art. No.	Price (VND)
Mã số	Giá (Đ)
568.30.301	4.990.000

- > Free-standing
- > Gross capacity: 46L
- > Solid door
- > Compressor based cooling system
- > Voltage: 220 - 240V
- > Frequency: 50-60 Hz
- > Power: 60W
- > Appliance dimensions: 450W x 450D x 510H mm

- > Lắp độc lập
- > Tổng dung tích: 46 lít
- > Cửa đặc toàn phần
- > Làm lạnh bằng máy nén
- > Hiệu điện thế: 220 - 240 V
- > Tần số: 50 - 60 Hz
- > Công suất: 60W
- > Kích thước: 450R x 450S x 510C mm

Minibar solid door HC-M48S
Tủ lạnh mini cửa đặc HC-M48S



Art. No.	Price (VND)
Mã số	Giá (Đ)
568.30.311	3.990.000

HOTEL SAFEBOX



Kết sắt khách sạn

SB700



- > Outer body (HxWxD): 200 x 450 x 400 mm
- > Door thickness: 5 mm
- > Body thickness: 2 mm
- > Net weight: 13.6 kg

- > Kích thước bên ngoài (CxRxS): 200 x 450 x 400 mm
- > Độ dày cửa: 5 mm
- > Độ dày thân: 2 mm
- > Khối lượng: 13.6 kg

Art. No.	Price (VND)
Mã số	Giá (Đ)
836.28.380	4.040.000

- > Outer body (HxWxD): 200 x 430 x 350 mm
- > Door thickness: 4 mm
- > Body thickness: 1.5 mm
- > Net weight: 10 kg
- > CEU - Computerized Execute Unit for Hotel safe: **836.29.980**

- > Kích thước bên ngoài (CxRxS): 200 x 430 x 350 mm
- > Độ dày cửa: 4 mm
- > Độ dày thân: 1.5 mm
- > Khối lượng: 10 kg
- > CEU - Thiết bị đồng bộ dữ liệu với máy tính: 836.29.980

Art. No.	Price (VND)
Mã số	Giá (Đ)
836.29.500	3.000.000

SB600



SB500



- > Outer body (HxWxD): 200 x 430 x 350 mm
- > Door thickness: 4 mm
- > Body thickness: 1.5 mm
- > Net weight: 11.5 kg

- > Kích thước bên ngoài (CxRxS): 200 x 430 x 350 mm
- > Độ dày cửa: 4 mm
- > Độ dày thân: 1.5 mm
- > Khối lượng: 11.5 kg

Art. No.	Price (VND)
Mã số	Giá (Đ)
836.26.391	2.380.000

IRON

Bàn ủi

Steam Iron Bàn ủi hơi nước



- > Dry/Spray/Steam/Burst steam
- > Self-cleaning Anti-calc/Anti-drip
- > Auto shut-off
- > Water tank capacity: 320 ml
- > Dial thermostat control
- > Soleplate coating material: Ceramic
- > Voltage: 220-240V/50-60Hz
- > Power rating: 1800W
- > Chức năng ủi khô, ủi hơi nước, phua tia
- > Tự vệ sinh: Chống bám vôi/ chống rỉ
- > Tự động tắt khi quá nhiệt
- > Dung tích bình chứa 320 ml
- > Điều chỉnh nhiệt độ bằng núm xoay
- > Chất liệu mặt đế: Ceramic chống dính
- > Hiệu điện thế: 220-240V/50-60Hz
- > Công suất: 1800W

Dimension (L x W x H)	Art. No.	Price (VND)
Kích thước (DxRxC)	Mã số	Giá (Đ)
292 x 121 x 145 mm	535.43.166	1.590.000

- > Dry/Spray/Steam/Burst steam
- > Self-cleaning Anti-calc/Anti-drip
- > Auto shut-off
- > Water tank capacity: 320 ml
- > Dial thermostat control
- > Soleplate coating material: Ceramic
- > Voltage: 220-240V / 50-60Hz
- > Power rating: 1800W

- > Chức năng ủi khô, ủi hơi nước, phua tia
- > Tự vệ sinh: Chống bám vôi/ chống rỉ
- > Tự động tắt khi quá nhiệt
- > Dung tích bình chứa 320 ml
- > Điều chỉnh nhiệt độ bằng núm xoay
- > Chất liệu mặt đế: Ceramic chống dính
- > Hiệu điện thế: 220-240V / 50-60Hz
- > Công suất: 1800W

Steam Iron Bàn ủi hơi nước



Dimension (L x W x H)	Art. No.	Price (VND)
Kích thước (DxRxC)	Mã số	Giá (Đ)
292 x 121 x 145 mm	535.43.167	1.590.000

IRON

Bàn ủi



Dry Iron
Bàn ủi khô



- > Dry iron
- > Auto shut-off
- > Dial thermostat control
- > Soleplate coating material: non-stick Teflon
- > Voltage: 220-240V / 50-60Hz
- > Power rating: 1000W
- > Power cord: 1.8M

- > Chức năng ủi khô
- > Tự động tắt khi quá nhiệt
- > Điều chỉnh nhiệt độ bằng núm xoay
- > Chất liệu mặt đế: Teflon chống dính
- > Hiệu điện thế: 220-240V / 50-60Hz
- > Công suất: 1000W
- > Dây điện: 1,8 m

Dimension (L x Wx H)	Art. No.	Price (VND)
Kích thước (DxRxC)	Mã số	Giá (Đ)
265 x 103 x 132 mm	535.43.168	990.000



IRON

Bàn ủi



Ironing board
Bàn để ủi quần áo

- > Cover Material: Cotton with Felt Underlay
 - > Frame Color: black
 - > Board Color: black
 - > Board Size: 110 x 33cm
 - > Maximum Height: 85cm
 - > Height Adjustment: 7 Levels
-
- > Chất liệu bề mặt: Cotton với lớp lót nỉ mềm mại
 - > Màu khung: đen
 - > Màu bảng: đen
 - > Kích thước bảng: 110 x 33cm
 - > Chiều cao tối đa: 85cm
 - > Điều chỉnh độ cao: 7 cấp độ

Art. No.	Price (VND)
Mã số	Giá (Đ)
568.71.300	1.090.000



Ironing board
Bàn để ủi quần áo

- > Cover Material: Cotton with Felt Underlay
 - > Frame Color: Gray
 - > Board Color: Gray
 - > Board Size: 92 x 30cm
 - > Maximum Height: 78cm
 - > Height Adjustment: 7 Levels
-
- > Chất liệu bề mặt: Cotton với lớp lót nỉ mềm mại
 - > Màu khung: Xám
 - > Màu bảng: Xám
 - > Kích thước bảng: 92 x 30cm
 - > Chiều cao tối đa: 78cm
 - > Điều chỉnh độ cao: 7 cấp độ

Art. No.	Price (VND)
Mã số	Giá (Đ)
568.71.510	1.090.000



IRON

Bàn ủi



Ironing holder
Giá ủi

- > Wall-mounted
- > For hanging iron and ironing board
- > Color: black
- > Size: H29.5 x W13.5 cm

- > Giá ủi gắn tường
- > Dùng để treo bàn ủi và bàn để ủi quần áo
- > Màu đen
- > Kích thước: C29.5 x R13.5 cm

Art. No.	Price (VND)
Mã số	Giá (Đ)
568.71.390	290.000

- > Wall-mounted
 - > For hanging iron and ironing board
 - > Color: White
 - > Size: H29.5 x W13.5 cm
- > Giá ủi gắn tường
 - > Dùng để treo bàn ủi và bàn để ủi quần áo
 - > Màu trắng
 - > Kích thước: C29.5 x R13.5 cm



Ironing holder
Giá ủi



Art. No.	Price (VND)
Mã số	Giá (Đ)
568.71.790	290.000



DUST BIN

Thùng rác



Dust bin
Thùng rác



- > Material: Steel
- > Diameter: 225 mm
- > Height: 285 mm
- > Vật liệu: Thép
- > Đường kính: 225 mm
- > Chiều cao: 285 mm

Capacity (L)	Finish	Art. No.	Price (VND)
Thể tích (L)	Hoàn thiện	Mã số	Giá (Đ)
10	Powder coated with polished stainless steel ring / Sơn tĩnh điện với vành inox	983.25.053	1.300.000



Dust bin
Thùng rác

- > Material: Plastic
- > Dimension (WxDxH): 240 x 178 x 270 mm
- > Vật liệu: Nhựa
- > Kích thước (DxRxH): 240 x 178 x 270 mm

Capacity (L)	Colour	Art. No.	Price (VND)
Thể tích (L)	Màu	Mã số	Giá (Đ)
6	Black / Đen	983.25.073	550.000





LED LIGHTS

ĐÈN LED

HOMEY ATMOSPHERE.

ROOM-FILLING ATMOSPHERES. AT THE "PUSH OF A BUTTON".

BẦU KHÔNG KHÍ ẤM CÚNG.

TRÀN NGẬP CĂN PHÒNG CHỈ VỚI MỘT NÚT NHẤN.



SOUND SYSTEM

HỆ THỐNG ÂM THANH

Light and sound are important design factors when it comes to generating the atmosphere of a room. Different “moods” can be created in the room by using ambient, accent and functional lighting along with various light colours and brightness levels. All of these lighting solutions can be activated by the push of a button placed at the entrance, next to the bed or wherever it is required. Guests also will have the possibility to stream music from their phone to the integrated speakers so they can fall asleep or be woken up to their favourite tracks.

Khi nhắc tới bầu không khí trong căn phòng thì ánh sáng và âm thanh là những yếu tố thiết kế quan trọng. Ta có thể tạo ra nhiều bầu không khí mang “tâm trạng” khác nhau bằng cách thay đổi môi trường xung quanh, điểm nhấn và chức năng ánh sáng cùng với nhiều màu ánh sáng và mức độ sáng. Tất cả các giải pháp chiếu sáng này có thể được kích hoạt bằng một nút nhấn đặt ở cửa ra vào, ở cạnh giường ngủ hoặc ở bất cứ nơi đâu cần thiết. Khách cũng sẽ có thể truyền nhạc từ điện thoại của họ đến loa tích hợp để họ có thể chìm vào giấc ngủ hoặc đánh thức với các bản nhạc yêu thích của họ.

LOOX LED LIGHTING SYSTEM



Orientation light and light with USB charging station.

HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG LOOX LED

Đèn định hướng và đèn có cổng sạc USB.

The LED 2028 is an orientation light with integrated daylight sensor and motion detector. If residual brightness of just 15 Lux or less is present, it becomes active. The LED 2034 flexible light from Häfele does not just provide targeted spotlighting, but also makes it possible to charge a smartphone and/or a tablet because of the two integrated USB ports. The push switch that is integrated in the base makes it possible to have two brightness levels - 100 % and 50 %. An extremely good light with additional uses for your hotel guests.

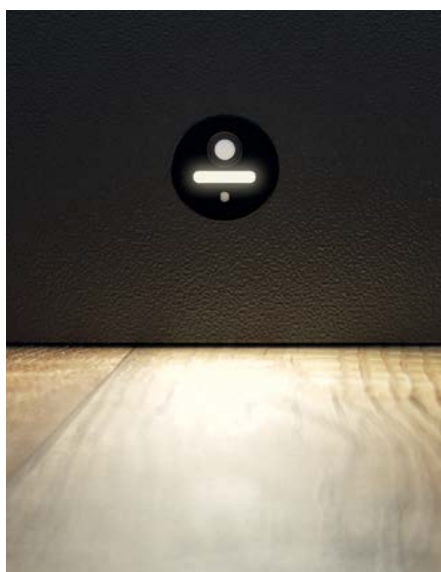
Đèn LED 2028 là đèn định hướng tích hợp cảm biến ánh sáng ban ngày và bộ cảm biến chuyển động. Nếu độ sáng chỉ còn từ 15 Lux trở xuống, nó sẽ hoạt động. Đèn điều chỉnh linh hoạt LED 2034 của Häfele không chỉ cung cấp ánh sáng chiếu theo mục tiêu mà còn giúp bạn có thể sạc điện thoại thông minh và/hoặc máy tính bảng nhờ hai cổng USB tích hợp. Công tắc nhấn được tích hợp trong chân đế để có thể điều chỉnh hai mức độ sáng 100% và 50%. Đây là một chiếc đèn cực kỳ tốt với các tính năng được bổ sung cho các vị khách trong khách sạn.

PRODUCTS

- > LOOX LED 2028 Orientation light, Art. No. 833.73.110, stainless steel finish
- > LOOX LED 2028 Orientation light, Art. No. 833.73.111, black.
- > LOOX LED 2034 Bedside light/reading light, Art. No. 833.74.096, aluminium, chrome plated, with integrated USB charging station, push switch, 2 brightness levels.
- > LOOX LED 2034, Bedside light/reading light, Art. No. 833.74.097, black, with integrated USB charging station, push switch, 2 brightness levels.

SẢN PHẨM

- > Đèn định hướng Häfele Loox LED 2028, Mã sản phẩm 833.73.110, màu crom
- > Đèn định hướng Häfele Loox LED 2028, Mã sản phẩm 833.73.111, màu đen
- > Đèn đầu giường/ đèn đọc sách Häfele Loox LED 2034, Mã sản phẩm 833.74.096, nhôm, mạ crom, tích hợp cổng sạc USB, công tắc nhấn, 2 mức độ sáng
- > Đèn đầu giường/ đèn đọc sách Häfele Loox led 2034, Mã sản phẩm 833.74.097, màu đen, tích hợp cổng sạc USB, công tắc nhấn, 2 mức độ sáng



The night light ensures the quiet sleep of other people in the room. / Đèn ngủ đảm bảo giấc ngủ yên tĩnh của những người khác trong phòng.



Light with two USB ports, to charge the smartphones and tablets of your guests. / Đèn chiếu sáng với hai cổng USB, để sạc điện thoại thông minh và máy tính bảng của khách.



Bedside / reading lights.
Đèn đầu giường/ đèn đọc sách.



Plinth lights / Đèn chân đế.

Please order other products in the system for a complete product set.

Vui lòng đặt hàng với các thành phần khác trong hệ để có được bộ sản phẩm hoàn chỉnh.

ADVANTAGE
FOR THE GUEST:
LIGHT IN FURNITURE.
THÊM TIỆN ÍCH CHO
KHÁCH: PHỤ KIỆN
CHIẾU SÁNG
TÍCH HỢP VỚI NỘI
THẤT





ENTERTAINMENT
FOR ROOM AND
FURNITURE.
THIẾT BỊ GIẢI TRÍ
CHO PHÒNG VÀ
NỘI THẤT.



LOOX SOUND SYSTEM

Transforms boards or cabinets into audio carriers.

HỆ THỐNG ÂM THANH LOOX.

Biến đổi ván gỗ hoặc tủ nội thất thành vật truyền tải âm thanh.

Ideal for winding down the day on a relaxing note, whether alone or together: the 420 E impresses in every situation. surprisingly good sound quality and all without speakers: the 420 E uses surfaces as sound carriers to fill the room with music. It's easy to connect to the built-in 420 E using reliable Bluetooth® technology - even from the couch - and enjoy your favourite music whenever you want.

Lý tưởng cho việc thư giãn bằng âm nhạc, cho dù bạn ở một mình hoặc đông người: hệ thống âm thanh 420 E gây ấn tượng trong mọi tình huống. Chất lượng âm thanh tốt đáng ngạc nhiên mà không cần loa: 420 E sử dụng bề mặt làm vật truyền âm thanh, khiến âm nhạc tràn ngập căn phòng. Dễ dàng kết nối với hệ thống 420 E được tích hợp sẵn bằng công nghệ Bluetooth® đáng tin cậy - ngay cả từ ghế sofa - và thưởng thức bản nhạc yêu thích bất cứ khi nào bạn muốn.

PRODUCTS

- > Model 420 E, Art. No. 822.65.034, with stereo amplifier, 2 exciters and Bluetooth® control

SẢN PHẨM

- > Loại 420 E, Mã sản phẩm 822.65.034, với bộ khuếch đại âm thanh nổi, 2 exciters và thiết bị nhận Bluetooth®.

Sound system, 420E
Hệ thống âm thanh 420E



Please order other products in the system for a complete product set.
Vui lòng đặt hàng với các thành phần khác trong hệ để có được bộ sản phẩm hoàn chỉnh.

BATHROOM SOLUTIONS

GIẢI PHÁP
PHÒNG TẮM





TOILET

Bồn cầu



Sapporo one-piece toilet
Bồn cầu một khối Sapporo

- > White one-piece toilet 660x390x695 mm
- > Nano self-cleaning glaze
- > Top dual flush
- > Syphonic jet action 4/6 liters
- > Rough-in 305mm
- > Seat and cover with soft closure, mounting set
- > Bồn cầu một khối màu trắng 660x390x695 mm
- > Tráng men Nano
- > Nút xả kép nằm ở trên
- > Hệ thống xả Syphonic jet 4/6 lít
- > Tâm xả 305 mm
- > Nắp bồn cầu đóng êm, bộ phụ kiện lắp đặt

Art. No.	Price (VND)
Mã số	Giá (Đ)
588.79.409	6.690.000

- > White two-piece toilet 695x370x765 mm
- > Top dual flush
- > Syphonic jet action 4/6 liters
- > Rough-in 305 mm
- > Seat and cover with soft closure, mounting set
- > Bồn cầu hai khối màu trắng 695x370x765 mm
- > Nút xả kép nằm ở trên
- > Hệ thống xả Syphonic jet 4/6 lít
- > Tâm xả 305 mm
- > Nắp bồn cầu đóng êm, bộ phụ kiện lắp đặt

Compact two-piece toilet
Bồn cầu hai khối Compact



Art. No.	Price (VND)
Mã số	Giá (Đ)
588.79.404	6.090.000

BASIN

Chậu sứ

Sapporo counter top basin
Chậu sứ vành nổi Sapporo



- > Dimension: 540x450x200 mm
- > Nano self-cleaning glaze
- > Finish: White
- > With tap platform
- > With overflow
- > Order siphon 495.61.241 and waste set 589.25.948 separately
- > Kích thước: 540x450x200 mm
- > Tráng men Nano
- > Hoàn thiện: Trắng
- > Có lỗ gắn vòi
- > Có xả tràn
- > Đặt riêng siphon 495.61.241 và bộ xả 589.25.948

Art. No. Mã số	Price (VND) Giá (Đ)
588.79.012	1.490.000

- > Dimension: 545x350x190 mm
- > Nano self-cleaning glaze
- > Finish: White
- > Without tap platform
- > With overflow
- > Order siphon - 495.61.241 and waste set - 589.25.948 separately
- > Kích thước: 545x350x190 mm
- > Tráng men Nano
- > Hoàn thiện: Trắng
- > Không có lỗ gắn vòi
- > Có xả tràn
- > Đặt riêng siphon 495.61.241 và bộ xả 589.25.948

Art. No. Mã số	Price (VND) Giá (Đ)
588.79.014	2.390.000

Sapporo under counter basin
Chậu sứ âm bàn Sapporo



- > Dimension: 570x415x205 mm
- > Nano self-cleaning glaze
- > Finish: White
- > Without tap platform
- > With overflow
- > Order siphon 495.61.241 and waste set 589.25.948 separately
- > Kích thước: 570x415x205 mm
- > Tráng men Nano
- > Hoàn thiện: Trắng
- > Không có lỗ gắn vòi
- > Có xả tràn
- > Đặt riêng siphon 495.61.241 và bộ xả 589.25.948

Art. No. Mã số	Price (VND) Giá (Đ)
588.79.015	2.190.000

Sapporo under counter basin
Chậu sứ âm bàn Sapporo



MIXERS & SHOWERS

Bộ trộn & Sen tắm



REGAL Basin mixer 110
Vòi trộn REGAL 110

589.78.000

3.590.000



ROOTS Basin mixer 90
Vòi trộn ROOTS 90

589.15.150

2.490.000



ACTIVE Water trap
Bẫy nước S-trap ACTIVE

495.61.241

770.000



REGAL concealed mixer 2 outlets
Bộ trộn âm 2 đường nước REGAL

495.61.127

3.290.000



ROOTS concealed mixer 2 outlets
Bộ trộn âm 2 đường nước ROOTS

495.61.147

3.190.000



Round wall station
Bộ tiếp nước dạng tròn

485.60.008

440.000



Airsense Hand shower set with rail 120R
Bộ sen tay Airsense 120R kết hợp thanh trượt

495.60.684

1.690.000



Airsense 100R Hand shower set
Bộ sen tay Airsense 100R

495.60.685

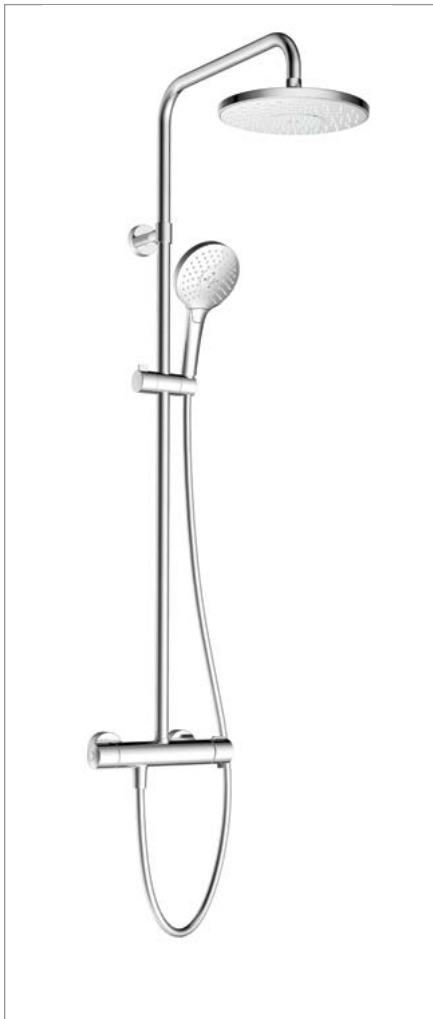
890.000



Airsense Hand shower set with rail 120R
Bộ sen tay Airsense 120R kết hợp thanh trượt

495.60.686

1.790.000



Intensity Thermostatic showerpipe
Thanh sen kết hợp có bộ trộn điều nhiệt

495.60.101 **10.990.000**



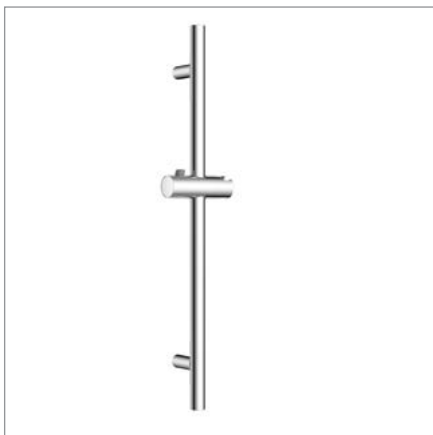
Intensity Shower column without mixer 227R
Thanh sen kết hợp không gồm bộ trộn 227R

495.60.104 **5.590.000**



Intensity Shower shelf without mixer
Thanh sen kết hợp kệ chưa gồm bộ trộn

589.23.155 **6.090.000**



650R shower rail
Thanh trượt 650R cho sen tay

485.60.614 **1.490.000**



REGAL exposed mixer 2 outlets
Bộ trộn nối 2 đường nước REGAL

495.61.122 **4.390.000**



ROOTS exposed mixer 2 outlets
Bộ trộn nối 2 đường nước ROOTS

495.61.145 **3.590.000**

SHOWERS

Sen tắm



Airsense Overhead shower 219S for ceiling
Sen đầu gắn trần Airsense 219S

485.60.615

1.790.000

- > Flow rate of overhead shower at 3 bar: 27 l/min
- > Rain type of overhead shower: Rain
- > 219x223mm overhead shower
- > 150 mm shower arm
- > Lưu lượng nước của sen đầu ở 3 bar: 27 lít/phút
- > Dạng tia nước của sen đầu: Rain
- > Sen đầu 219x223mm
- > Tay sen gắn trần 150 mm



Airsense Overhead shower 219S for walling
Sen đầu gắn tường Airsense 219S

485.60.616

2.190.000

- > Flow rate of overhead shower at 3 bar: 27 l/min
- > Rain type of overhead shower: Rain
- > 219x223mm overhead shower
- > 350 mm shower arm
- > Lưu lượng nước của sen đầu ở 3 bar: 27 lít/phút
- > Dạng tia nước của sen đầu: Rain
- > Sen đầu 219x223mm
- > Tay sen gắn tường 350 mm



Airsense Overhead shower 227R for ceiling
Sen đầu gắn trần Airsense 227R

485.60.617

1.790.000

- > Flow rate of overhead shower at 3 bar: 18 l/min
- > Rain type of overhead shower: Rain
- > 227mm overhead shower
- > 150 mm shower arm
- > Lưu lượng nước của sen đầu ở 3 bar: 18 lít/phút
- > Dạng tia nước của sen đầu: Rain
- > Sen đầu 227mm
- > Tay sen gắn trần 150 mm



Airsense Overhead shower 227R for wall
Sen đầu gắn tường Airsense 227R

485.60.618

2.190.000

- > Flow rate of overhead shower at 3 bar: 18 l/min
- > Rain type of overhead shower: Rain
- > 227mm overhead shower
- > 350 mm shower arm
- > Lưu lượng nước của sen đầu ở 3 bar: 18 lít/phút
- > Dạng tia nước của sen đầu: Rain
- > Sen đầu 227mm
- > Tay sen gắn tường 350 mm
- > Màu sắc: Chrome

ACCESSORIES

Phụ kiện



Fortune Rack towel
Kệ để khăn tắm Fortune

580.41.413

1.990.000



Fortune Single towel bar 750 mm
Thanh treo khăn đơn Fortune 750 mm

580.41.411

770.000



Fortune Double towel bar 750 mm
Thanh treo khăn đôi Fortune 750 mm

580.41.412

990.000



Fortune Soap dish
Đĩa đựng xà phòng Fortune

580.41.460

550.000



Fortune Tumbler
Ly đựng dụng cụ Fortune

580.41.470

550.000



Fortune Toilet paper holder
Giá treo giấy vệ sinh Fortune

580.41.440

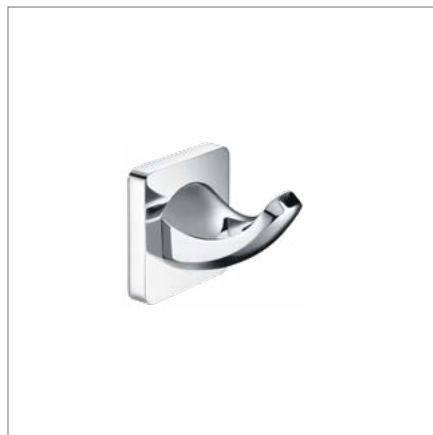
440.000



Fortune Toilet towel ring
Vòng treo khăn Fortune

580.41.410

660.000



Fortune Hook
Móc treo khăn Fortune

580.41.400

330.000



Fortune Toilet brush holder
Giá treo cọ vệ sinh Fortune

580.41.450

690.000

ACCESSORIES

Phụ kiện



Fortune Glass shelf
Kệ kính Fortune

580.41.430

660.000



ACTIVE triangle corner basket
Rổ góc tam giác ACTIVE

495.34.112

990.000



ACTIVE Rectangle corner basket
Rổ góc chữ nhật ACTIVE

495.80.013

550.000



Magnifying mirror
Gương phóng đại

495.81.005

1.590.000



Magnifying mirror with LED
Gương phóng đại có đèn LED

495.81.006

3.690.000



Wall-mounted cold tap with coupling
Vòi lạnh gắn tường có đầu răng

495.61.020

550.000



ACTIVE Hexagon stop valve
Van khóa nước đôi lục giác ACTIVE

495.61.252

290.000



ACTIVE Single stop valve
Van khóa nước đơn ACTIVE

495.61.250

220.000



Wall-mounted cold tap
Vòi lạnh gắn tường

589.25.540

440.000



ROOTS floor drain 600 mm
Thoát sàn ROOTS 600 mm

485.61.235

1.590.000



ROOTS floor drain 100 mm
Thoát sàn ROOTS 100 mm

485.61.236

660.000



ROOTS floor drain
Thoát sàn ROOTS 88 mm

495.60.803

300.000



Fortune subsidiary grab bar 418mm
Tay vịn phòng tắm Fortune 90 độ 418mm

499.95.203

4.000.000



Fortune grab bar 450mm
Tay vịn phòng tắm Fortune 450mm

499.95.206

1.900.000



Fortune subsidiary grab bar 368mm
Tay vịn phòng tắm Fortune 110 độ 368mm

499.95.200

2.600.000



Toilet spray with holder & 120 cm hose
Kệ để khăn tắm

589.25.991

660.000



REGAL double toilet paper with lid
Giá treo giấy vệ sinh đôi REGAL có kệ

983.56.000

880.000



REGAL single toilet paper with lid
Giá treo giấy vệ sinh đơn REGAL có kệ

983.56.001

770.000

HAIR DRYER

Máy sấy tóc

Black hair dryer
Máy sấy tóc màu đen



- > Safety switch
- > Three speed temperature
- > Two speed wind
- > Foldable handle
- > Over heating protection
- > Voltage: 220-240V / 50-60Hz
- > Power rating: 1600W
- > Công tắc an toàn
- > 3 chế độ sấy
- > 2 tốc độ quạt gió
- > Tay nắm gấp tiện dụng
- > Bảo vệ quá nhiệt
- > Hiệu điện thế: 220-240V/50-60Hz
- > Công suất: 1600W

Dimension (RxS)	Art. No.	Price (VND)
Kích thước (WxD)	Mã số	Giá (Đ)
25.5 x 16 cm	535.43.192	1.190.000

- > Safety switch
- > 1 cool wind, 2 speed hot wind
- > Foldable handle
- > Over heating protection
- > Voltage: 220-240V / 50-60Hz
- > Power rating: 1200W
- > Công tắc an toàn
- > 1 chế độ quạt mát
- > 2 chế độ quạt sấy
- > Tay nắm gấp tiện dụng
- > Bảo vệ quá nhiệt
- > Hiệu điện thế: 220-240V / 50-60Hz
- > Công suất: 1200W

Dimension (RxS)	Art. No.	Price (VND)
Kích thước (WxD)	Mã số	Giá (Đ)
20 x 15cm	535.43.193	890.000

Black hair dryer
Máy sấy tóc màu đen



HAIR DRYER

Máy sấy tóc



Wall-mounted white hair dryer
Máy sấy tóc gắn tường màu trắng



- > Safety switch
- > Wall mounted hair dryer
- > Two speed hot wind + cool wind for option
- > Automatically off if over-heat.
- > Voltage: 220-240V / 50-60Hz
- > Power rating: 1600W

- > Công tắc an toàn
- > Thiết kế gắn tường
- > 1 chế độ quạt mát + 2 chế độ quạt sấy
- > Bảo vệ quá nhiệt
- > Hiệu điện thế: 220-240V / 50-60Hz
- > Công suất: 1600W

Dimension (RxS)	Art. No.	Price (VND)
Kích thước (WxD)	Mã số	Giá (Đ)
25 x 20 cm	535.43.194	1.390.000



Wall-mounted white hair dryer
Máy sấy tóc gắn tường màu trắng

- > Safety switch
- > Wall mounted hair dryer
- > Two speed hot wind + cool wind for option;
- > Automatically off if over-heat.
- > Voltage: 220-240V / 50-60Hz
- > Power rating: 1200W

- > Công tắc an toàn
- > Thiết kế gắn tường
- > 1 chế độ quạt mát + 2 chế độ quạt sấy
- > Bảo vệ quá nhiệt
- > Hiệu điện thế: 220-240V / 50-60Hz
- > Công suất: 1200W

Dimension (RxS)	Art. No.	Price (VND)
Kích thước (WxD)	Mã số	Giá (Đ)
18 x 21 cm	535.43.195	990.000



BATHROOM SCALE

Cân điện tử

Bathroom Scale
Cân điện tử



- > Max Capacity: 150 kg
- > 6mm toughened glass weighing platform
- > Large LCD display with backlit easy to read
- > Auto on/ Auto off function
- > Low battery and overload indication
- > Power Source: 2 x 1.5V AAA Batteries (not Included)
- > LCD Display Size: 79 x 36mm

- > Tải trọng tối đa: 150 kg
- > Kính cường lực dày 6mm
- > Màn hình LCD lớn dễ dàng đọc thông số
- > Tính năng tự động tắt/mở
- > Cảnh báo pin yếu và quá tải
- > Pin 2 x 1.5V AAA (không đi kèm)
- > Kích thước màn hình: 79 x 36mm

Dimension (WxDxH)	Art. No.	Price (VND)
Kích thước (RxSxC)	Mã số	Giá (Đ)
31.2 x 28.5 x 2.5 cm	535.43.214	950.000

- > Max Capacity: 200 kg
- > 5mm toughened glass weighing platform
- > Auto on/ Auto off function
- > Low battery and overload indication
- > Power Source: 1x cr2032
- > LCD Size: 61 x 25mm

- > Tải trọng tối đa: 200 kg
- > Kính cường lực dày 5mm
- > Tính năng tự động tắt/mở
- > Cảnh báo pin yếu và quá tải
- > Pin cr2032
- > Kích thước màn hình: 61 x 25mm

Dimension (WxDxH)	Art. No.	Price (VND)
Kích thước (RxSxC)	Mã số	Giá (Đ)
31.2 x 28.5 x 2.5 cm	535.43.215	850.000

Bathroom Scale
Cân điện tử



BATHROOM SCALE

Cân điện tử



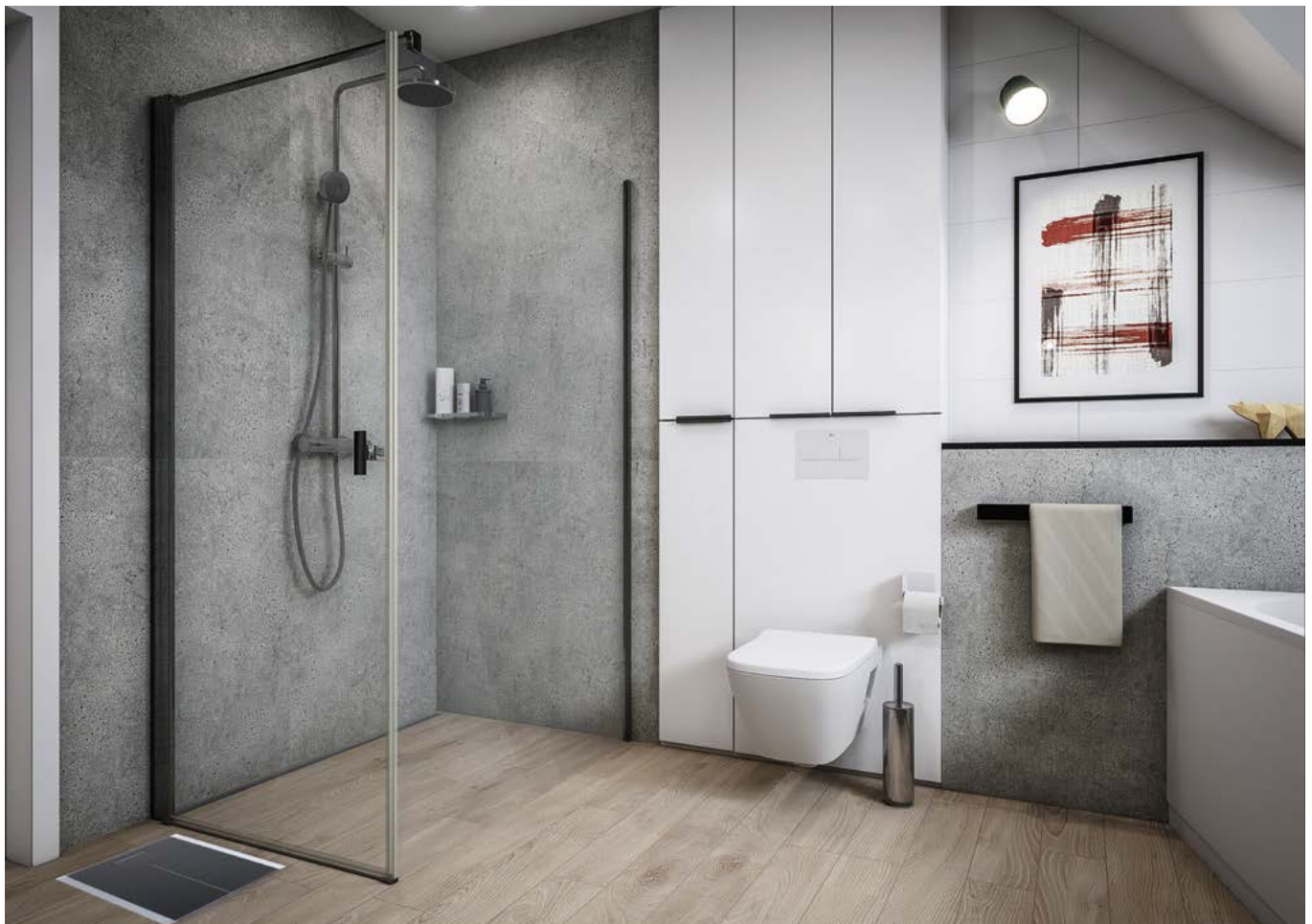
Bathroom Scale
Cân điện tử



- > Max Capacity: 180 kg
- > With 6MM Tempered Glass With S/S Platform
- > Low Battery / Overload Indication
- > Power Source: 2 *1.5V AAA Batteries (not Included)
- > LCD Size: 73 x 33 mm

- > Tải trọng tối đa: 180 kg
- > Kính cường lực dày 6mm với bề mặt thép không gỉ
- > Cảnh báo pin yếu và quá tải
- > Pin 2*1.5V AAA (không đi kèm)
- > Kích thước màn hình: 73 x 33 mm

Dimension (WxDxH)	Art. No.	Price (VND)
Kích thước (RxSxC)	Mã số	Giá (Đ)
30 x 30 x 2.3 cm	535.43.216	1.090.000





DUST BIN

Thùng rác



Dust bin
Thùng rác

- > Version: with foot pedal for opening lid
- > Dimension (WxDxH): 150 x 150 x 255 mm
- > Capacity: 3 L
- > Phiên bản: có chân đạp mở nắp
- > Kích thước (DxRxH): 150 x 150 x 255 mm
- > Thể tích: 3 L

Material	Finish / Colour	Art. No.	Price (VND)
Vật liệu	Hoàn thiện / Màu	Mã số	Giá (Đ)
Waste bin: stainless steel	Bên ngoài: bóng Bên trong: đen	983.54.411	630.000
Inner bin: Plastic			
Bên ngoài: inox			
Bên trong: nhựa			

- > Version: with foot pedal for opening lid
- > Height: 257 mm
- > Diameter: 168 mm
- > Capacity: 3 L
- > Phiên bản: có chân đạp mở nắp
- > Chiều cao: 257 mm
- > Đường kính: 168 mm
- > Thể tích: 3 L



Dust bin
Thùng rác

Material	Finish / Colour	Art. No.	Price (VND)
Vật liệu	Hoàn thiện / Màu	Mã số	Giá (Đ)
Waste bin: stainless steel	Bên ngoài: bóng Bên trong: đen	983.54.401	520.000
Inner bin: Plastic			
Bên ngoài: inox			
Bên trong: nhựa			





WALL-HUNG TOILET

Bồn cầu treo tường

Wallhung Toilet Bồn cầu treo tường



- > White wall-hung toilet 530x380x365 mm
- > Rimless design
- > Nano self-cleaning glaze
- > Washdown flush system
- > Seat and cover with soft closure, mounting set
- > Bồn cầu treo tường màu trắng 540x370x365 mm
- > Thiết kế không vành
- > Tráng men Nano
- > Chế độ xả thẳng mạnh mẽ
- > Nắp bồn cầu đóng êm, bộ phụ kiện lắp đặt

Art. No. Mã số	Price (VND) Giá (Đ)
588.79.410	6.490.000

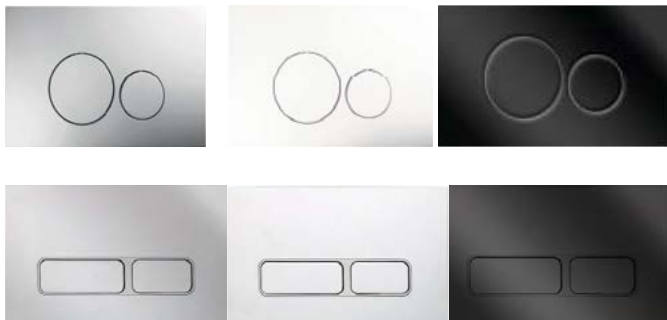
- > Mechanical concealed cistern for wall-hung toilet
- > Fasten distance 180/230 mm
- > Adjustable feet: 0-200 mm
- > Front dual flush 6/3 litres or 4.5/3 litres
- > Thickness: 118 mm
- > Compatible with Häfele Mechanical actuator
- > Két nước âm Mechanical cho bồn cầu treo tường
- > Khoảng cách lắp bồn cầu vào khung đỡ 180/230 mm
- > Chân đế có thể điều chỉnh từ 0-200 mm
- > Chế độ xả kép mặt trước 6/3 lít hoặc 4,5/3 lít
- > Độ dày két nước: 118 mm
- > Sử dụng với nút nhấn xả của Häfele

Concealed cistern Mechanical for wall hung toilet Két nước âm Mechanical cho bồn cầu treo tường



Art. No. Mã số	Price (VND) Giá (Đ)
588.73.920	8.500.000

Concealed cistern Nút nhấn xả thải



- > Flush actuator plate with dual flush system
- > Plastic material
- > Nút xả thải kép
- > Chất liệu bằng nhựa

Type Loại	Color Màu sắc	Art. No. Mã số	Price (VND) Giá (Đ)
Plate round Nút tròn	Chrome / Màu chrome	588.73.543	1.100.000
	White / Màu trắng	588.73.544	
	Black / Màu đen	588.73.545	
Plate rectangle Nút chữ nhật	Chrome / Màu chrome	588.73.564	1.100.000
	White / Màu trắng	588.73.565	
	Black / Màu đen	588.73.566	

PUBLIC USE

Khu vực công cộng



SEINE wall-hung urinal
Bồn tiểu nam treo tường SEINE

588.79.420

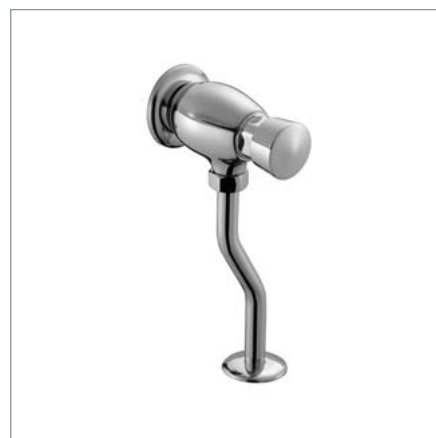
6.690.000



SEINE wall-hung urinal
Bồn tiểu nam treo tường SEINE

588.79.421

6.090.000



Urinal push button
Nút nhấn xả bồn tiểu nam

588.79.980

1.590.000



Automatic free-standing urinal
Bồn tiểu nam đặt sàn tự động

588.09.401

8.990.000



Automatic wall-hung urinal
Bồn tiểu nam treo tường tự động

588.09.400

9.390.000



Urinal sensor valve (concealed type)
Van xả bồn tiểu nam âm tường tự động

589.63.910

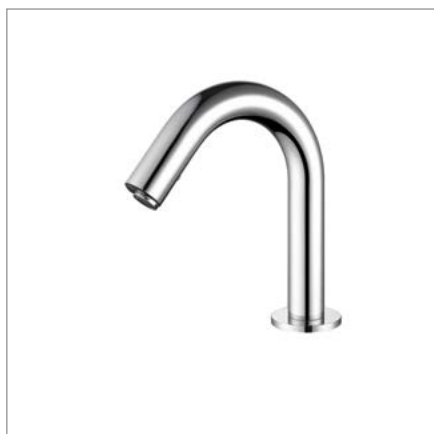
6.690.000



Automatic basin mixer H-123
Vòi lavabo tự động H-123

589.63.062

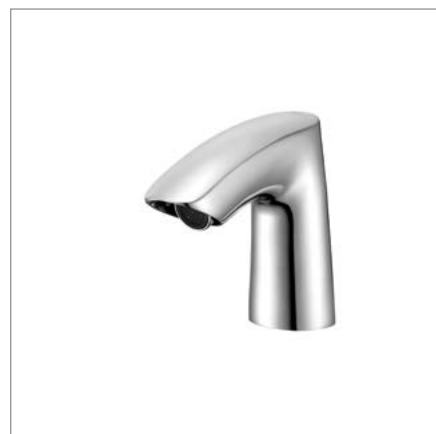
5.990.000



Automatic basin mixer H-175
Vòi lavabo tự động H-175

589.63.061

5.390.000



Automatic basin mixer H-100
Vòi lavabo tự động H-100

589.63.060

5.990.000

PUBLIC TOILET ACCESSORIES

Thiết bị vệ sinh công cộng

Automatic wall-mounted soap dispenser Bình xà phòng treo tường tự động



- > Working for all kinds of liquid cleaners: alcohol, alcohol gel or liquid sanitizer
- > With soap/ liquid bottle 850ml
- > Flow rate of liquid soap: 0.2~ 2.5 ml /time (5 level adjustable)
- > Dimensions: 261x120x110 mm
- > Power rating: DC 6V

- > Dùng được các loại dung dịch: gel rửa tay, cồn, xà phòng
- > Thể tích 850 ml
- > Lưu lượng: 0.2~ 2.5 ml / lần (Điều chỉnh 5 cấp độ)
- > Kích thước: 261x120x110 mm
- > Nguồn điện: DC 6V

Art. No. Mã số	Price (VND) Giá (Đ)
580.37.051	1.490.000

- > With soap/ liquid bottle 1000ml
- > Flow of soap liquid: 0.6-1.0 ml/ time
- > Water pressure: 0.05-0.8Mpa
- > Dimensions: 41 x 134 x 119 mm
- > Power: DC 6V & AC220V

- > Thể tích 1000ml
- > Lưu lượng: 0.6-1.0 ml/ lần
- > Áp lực nước: 0.05-0.8Mpa
- > Kích thước: 41 x 134 x 119 mm
- > Nguồn điện: DC 6V & AC220V

Art. No. Mã số	Price (VND) Giá (Đ)
589.63.090	4.990.000

Automatic deck-mounted soap dispenser Vòi xịt xà phòng tự động bán âm



- > Elevation installation: 1170 mm
- > Power consumption: Hot dry: 1400W - Cool dry: 550W
- > Noise level: 76 dB
- > Material: ABS plastic
- > Finish: White
- > Dimensions: 250x165x238 mm
- > Power: AC 220-240V / 50Hz

Hand-dryer H238 Máy sấy tay H238



- > Cao độ lắp đặt: 1170 mm
- > Lượng điện tiêu thụ: - Sấy ẩm: 1400W - Sấy mát: 550W
- > Độ ồn: 76 dB
- > Chất liệu: Nhựa ABS
- > Màu: Trắng
- > Kích thước: 250x165x238 mm
- > Nguồn: AC 220-240V / 50Hz

Art. No. Mã số	Price (VND) Giá (Đ)
983.64.002	3.390.000



HÄFELE

www.hafele.com.vn

Häfele VN LLC.

Lầu 3, Tòa nhà Ree

Số 9 Đường Đoàn Văn Bơ,

Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Phone: (+84 28) 39 113 113

Email: info@hafele.com.vn



732.98.121 - July 2021